

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**HÀ ĐỨC TIẾN**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA  
VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI  
VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỰ THỰC TIỄN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành : Luật Hiến Pháp và Luật Hành Chính**

**Mã số : 60.38.01.02**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Người hướng dẫn khoa học:  
PGS.TS. NGUYỄN THỊ VIỆT HƯƠNG**

**HÀ NỘI, năm 2016**

## LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, cho phép tôi trân trọng cảm ơn PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Hương đã giúp đỡ, hướng dẫn tôi rất nhiều về mặt khoa học, về tình cảm, sự tận tâm chỉ bảo rất chu đáo để hoàn thành bản luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn quý thầy, cô giáo là lãnh đạo, những giảng viên tận tâm, những nhà khoa học, những nhà quản lý của Học viện Khoa học xã hội đã tận tình giảng dạy, giúp đỡ 02 năm qua để tôi có được kết quả học tập như hôm nay.

Xin chân thành cảm ơn lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND tỉnh Quảng Nam; lãnh đạo và CBCC Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam đã hỗ trợ, tạo điều kiện giúp đỡ tôi để có được những kết quả về thực trạng sinh động, có ý nghĩa quan trọng đối với việc hoàn thành luận văn.

Cảm ơn những người thân, bạn bè đồng nghiệp, anh chị em học viên cùng khóa, cùng lớp đã giúp đỡ, chia sẻ, động viên tôi những lúc khó khăn để hoàn thành luận văn.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn khoa học của PGS, TS Nguyễn Thị Việt Hương. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo. Ngoài ra, trong luận văn còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung luận văn của mình.

Tác giả

Hà Đức Tiến

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| <b>MỞ ĐẦU</b> .....   | 1  |
| <b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM</b> .....  | 7  |
| 1.1. Khái lược về lịch sử hình thành và phát triển của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân ở Việt Nam.....  | 7  |
| 1.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân .....   | 12 |
| 1.3. Tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh .....  | 18 |
| 1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh .....   | 22 |
| <b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM</b> .....   | 26 |
| 2.1. Một số yếu tố tác động đến tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam .....                                       | 26 |
| 2.2. Thực trạng tổ chức Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam .....  | 33 |
| 2.3. Thực trạng hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam.....   | 36 |
| 2.4. Đánh giá chung về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam.....   | 45 |
| <b>CHƯƠNG 3. NHU CẦU, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NAM</b> ..... | 52 |
| 3.1. Nhu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Việt Nam hiện nay .....   | 52 |

|   |    |
|---|----|
| 3.2. Quan điểm đổi mới tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam ..... | 62 |
| 3.3. Giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam ..... | 64 |
| <b>KẾT LUẬN</b> .....   | 75 |

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**PHỤ LỤC**

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

|          |                                    |
|----------|------------------------------------|
| AN-QP    | : An ninh - Quốc phòng             |
| CB,CC    | : Cán bộ, công chức                |
| ĐBQH     | : Đại biểu Quốc hội                |
| HĐND     | : Hội đồng nhân dân                |
| KT-XH    | : Kinh tế - Xã hội                 |
| QH       | : Quốc hội                         |
| TT HĐND  | : Thường trực Hội đồng nhân dân    |
| TXCT     | : Tiếp xúc cử tri                  |
| UBMTTQVN | : Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam |
| UBND     | : Ủy ban nhân dân                  |
| UBTVQH   | : Ủy ban thường vụ Quốc hội        |
| VP       | : Văn phòng                        |
| XHCN     | : Xã hội chủ nghĩa                 |

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ khi được thành lập đến nay, mặc dù trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, bộ máy giúp việc của cơ quan dân cử cấp tỉnh cũng có nhiều thay đổi, từ mô hình hoạt động đến tổ chức bộ máy, xong dù ở hoàn cảnh nào Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam (dưới đây gọi tắt là Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh) vẫn luôn bám sát chức năng, nhiệm vụ, tranh thủ sự lãnh đạo của Thường trực HĐND, Trưởng, Phó Đoàn ĐBQH để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, đồng thời góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Với vai trò là cơ quan tham mưu, giúp việc Đoàn ĐBQH, đại biểu Quốc hội, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã tích cực chủ động làm tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao: Tham mưu cho Đảng Đoàn HĐND, cấp ủy lãnh đạo hoạt động của HĐND, tham mưu đổi mới các hoạt động của HĐND, cải tiến cách thức tổ chức kỳ họp từ khâu chuẩn bị đến khâu tổ chức; hoạt động giám sát của HĐND được cải tiến về hình thức, phương pháp giám sát theo hướng công khai, dân chủ, hướng về cơ sở, gắn trách nhiệm của các đại biểu HĐND vào hoạt động giám sát, vận dụng linh hoạt các hình thức giám sát như: Giám sát bằng văn bản, giám sát trực tiếp, giám sát giữa hai kỳ họp và đặc biệt lần đầu tiên HĐND tỉnh đã thực hiện hình thức giám sát tại kỳ họp, nội dung giám sát đã tập trung vào những vấn đề bức xúc được đại biểu HĐND và cử tri quan tâm; hoạt động tiếp xúc cử tri ngày càng được quan tâm, tăng cường thêm điểm tiếp xúc cho đại biểu chuyên trách, để đại biểu tiếp xúc trực tiếp với những người lao động; việc tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân ngày càng được chú trọng. Văn phòng cũng đã làm tốt việc tổ chức các hội nghị giúp đại biểu Quốc hội tham gia ý kiến vào các dự án luật và các báo cáo trình Quốc hội, phục vụ các kỳ họp Quốc hội và các cuộc giám sát, tiếp xúc cử tri của Đoàn ĐBQH tại địa phương. Hoạt động của Đoàn ĐBQH tỉnh,

Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh ngày càng được tăng cường theo hướng chuyên môn hóa, bộ máy tham mưu, giúp việc của Văn phòng được kiện toàn, củng cố và ngày càng lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã làm tốt công tác phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan. Các hoạt động đổi mới của Văn phòng trong công tác tham mưu giúp việc là điểm nhấn quan trọng để khẳng định vị thế, tầm quan trọng của mình trong bộ máy Văn phòng hành chính nhà nước nói chung và cơ quan giúp việc cho bộ máy dân cử nói riêng.

Qua gần 10 năm hoạt động, với 02 nhiệm kỳ của Quốc hội và 02 nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, đó là một khoảng thời gian chưa dài song có thể khẳng định Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam luôn thực hiện tốt công tác tham mưu, phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH, đại biểu Quốc hội, hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh. Tuy nhiên, trên thực tế trong quá trình hoạt động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh Quảng Nam vẫn còn gặp một số khó khăn hạn chế như: Tổ chức bộ máy chưa thật sự hợp lý dẫn đến chồng chéo chức năng nhiệm vụ, chưa phát huy hết sở trường, năng lực công tác của cán bộ, công chức; địa vị pháp lý chưa được xác định rõ ràng nên gặp nhiều khó khăn trong các mối quan hệ với các sở, ngành, địa phương; kinh phí dành cho hoạt động của Văn phòng còn hạn chế nên rất khó triển khai những công việc đòi hỏi có tính chuyên môn cao...

Bên cạnh đó, năm 2015 Quốc hội đã ban hành Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Theo đó, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp có vai trò, vị trí ngày càng quan trọng trong bộ máy nhà nước với khá nhiều chức năng, nhiệm vụ so với các luật trước đây. Trước yêu cầu đổi mới hoạt động của QH và HĐND tỉnh trong tình hình mới, ngoài việc phát huy những thành tích đã đạt được, đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu vươn lên để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác tham mưu, phục vụ, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam cần tiếp tục đổi mới, cải cách hành chính, cách thức, lề lối làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành công việc, nâng cao hơn nữa ý thức trách

nhiệm của mỗi cán bộ, công chức đối với công việc được giao. Mỗi cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phải thực sự là những chuyên gia giỏi, là người am hiểu sâu rộng, có kiến thức tổng hợp, do vậy cán bộ, công chức phải tự nghiên cứu, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức, hiểu biết, tìm hiểu, nắm chắc các chủ trương, chính sách mới của Đảng, pháp luật của Nhà nước và cập nhật đầy đủ thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh để nâng cao chất lượng công tác tham mưu, phục vụ của mình, mặt khác, góp phần tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân để thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các nghị quyết của HĐND tỉnh. Văn Phòng tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có năng lực hoạt động thực tiễn tốt để phục vụ tốt nhất hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

Với những ý nghĩa trên, tác giả chọn đề tài “*Tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*” để làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sĩ của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Trong thời gian gần đây, ở Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu gần với chủ đề nghiên cứu của luận văn ở các mức độ khác nhau. Có thể chỉ ra một số công trình có liên quan trực tiếp như sau:

- Phan Duy Hạnh (2011), “*Hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh – Qua kinh nghiệm của tỉnh Lào Cai*”. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Viện nghiên cứu lập pháp.

- Trung Thành (2015), *Mô hình nào cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND?*, Tạp chí Tổ chức Nhà nước số tháng 5 năm 2015.

- Ngọc Ánh (2013), *Điều chỉnh cơ cấu tổ chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử ở địa phương*. Báo Đại biểu nhân dân ngày 13/8/2013

- Vũ Công Bình (2008), *Bàn về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh*. Báo Đại biểu nhân dân ngày 14/8/2008

- Đoàn Đình Anh - Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Hà Tĩnh

(2008), *Thực hiện Nghị quyết 545 của UBTWQH: VPQH có thể coi Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND là cánh tay nối dài*. Báo Đại biểu nhân dân ngày 28/12/2009.

- Hoàng Huy Việt (2014), *Địa vị pháp lý và hoạt động của Đoàn ĐBQH, từ thực tiễn tỉnh Bắc Giang*. Luận Văn thạc sỹ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Bùi Mạnh Khoa (2014), *Hoạt động giám sát của đại biểu QH và Đoàn ĐBQH ở Việt Nam hiện nay, qua thực tiễn tỉnh Thanh Hóa*. Luận Văn thạc sỹ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Phạm Thị Hồng Nhung (2010), *Bộ máy giúp việc của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội*. Luận văn thạc sỹ, khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nhìn chung, cho đến thời điểm hiện tại đã có nhiều công trình nghiên cứu, đã sáng tỏ nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND. Tuy nhiên, qua nhìn nhận thực tế, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu sâu về tổ chức và hoạt động của VP đoàn ĐBQH và HĐND Quảng Nam. Vì vậy, đặt ra vấn đề nghiên cứu “Tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam” là một đề tài mới, cần triển khai nghiên cứu nhằm góp phần vào việc nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, phục vụ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND trong thời gian tới.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn**

#### *3.1. Mục đích nghiên cứu*

Luận văn có mục đích tổng quát là xây dựng luận cứ khoa học cho việc đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm đổi mới tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam nói riêng, trên địa bàn cả nước nói chung.

#### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND.

- Phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam, chỉ rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của thực trạng đó.

- Đề xuất các giải pháp nhằm đổi mới tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn**

##### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

- Hệ thống quy định pháp luật và quy chế hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND.

- Thực tiễn tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND các tỉnh ở Việt Nam.

- Thực tiễn tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam.

##### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

- Phạm vi thời gian: Từ năm 2011 đến năm 2015

- Phạm vi không gian: Địa bàn tỉnh Quảng Nam

- Phạm vi nội dung: Luận văn tập trung nghiên cứu quá trình xây dựng và các vấn đề cụ thể về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

##### *5.1. Phương pháp luận*

Luận văn nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

##### *5.2. Phương pháp nghiên cứu*

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn đã có sự kết hợp nhiều phương pháp khác nhau, như: phân tích, tổng hợp, thống kê, lịch sử, xã hội học pháp luật, so sánh ...

#### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

##### *6.1. Ý nghĩa lý luận*

Kết quả nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ những khía cạnh lý luận về tổ chức và hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND nói chung, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND nói riêng, xác lập cơ sở khoa học tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND.

### *6.2. Ý nghĩa thực tiễn*

- Kết quả nghiên cứu góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Kết quả nghiên cứu có thể được tham khảo trong hoạt động thực tiễn nhằm đổi mới tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam.

### **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Mục lục, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp luật về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân ở Việt Nam

Chương 2. Thực trạng tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam

Chương 3. Nhu cầu, quan điểm và giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

### **1.1. Khái lược về lịch sử hình thành và phát triển của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân ở Việt Nam**

#### ***1.1.1. Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam***

##### ***1.1.1.1. Quốc hội Việt Nam***

Sau khi tuyên bố độc lập vào ngày 02-9-1945, thì đến ngày 8-9-1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Sắc lệnh số 14/SL về cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và những sắc lệnh khác để xúc tiến việc chuẩn bị cho cuộc Tổng tuyển cử và dự thảo Hiến pháp.

Sau thời gian gấp rút chuẩn bị, ngày 6-1-1946 cuộc Tổng tuyển cử lần đầu tiên trong cả nước được tổ chức để tất cả công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, tôn giáo, chính kiến... tham gia lựa chọn người đại diện cho mình vào Quốc hội.

Quốc hội Việt Nam là một cơ quan quan trọng trong hệ thống chính trị Việt Nam, là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân Việt Nam và là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội có ba chức năng chính:

- Lập pháp
- Quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước
- Giám sát tối cao hoạt động của Nhà nước.

Các đại biểu quốc hội được cử tri bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Các đại biểu chịu trách nhiệm trước cử tri bầu ra mình và trước cử tri cả nước. Thông qua các đại biểu và thông qua Quốc hội, nhân dân Việt Nam sử dụng quyền lực của mình để định đoạt các vấn đề của đất nước.

Các nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của quốc hội Việt Nam được quy định trong Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội. Quốc hội Việt Nam tổ chức và hoạt

động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Cơ quan này có các đơn vị trực thuộc là Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Quốc hội Việt Nam hiện nay là thành viên của Liên minh Nghị viện thế giới (IPU), Liên minh Nghị viện Hiệp hội các nước ASEAN (AIPO), Liên minh Nghị viện Cộng đồng Pháp ngữ (APF), là thành viên sáng lập Diễn đàn Nghị sĩ các nước châu Á - Thái Bình Dương (APPF), Tổ chức Liên nghị viện các nước châu Á vì Hòa bình (AAPP).

Từ khi ra đời đến nay, trải qua 13 khóa với tư cách là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Quốc hội Việt Nam đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển chung của dân tộc. Do hoàn cảnh đặc thù của đất nước, trong nhiều thập kỷ, đặc biệt là 30 năm đầu (1946- 1975) cùng với việc xây dựng chế độ dân chủ của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Quốc hội đã cùng với Chính phủ đề ra các chủ trương chính sách, tổ chức và động viên toàn dân "kháng chiến, kiến quốc" giành thắng lợi trong hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc.

Chế độ dân chủ mới đã được củng cố và ngày càng hoàn thiện. Trên nền tảng tư tưởng cốt lõi của Hiến pháp năm 1946 :*"Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân"*, Quốc hội đã thông qua các Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp 2013 kế thừa và hoàn thiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của đất nước.

Nhiều đạo luật quan trọng đã được Quốc hội ban hành nhằm thể chế hóa quyền làm chủ của nhân dân và thực hiện quản lý xã hội theo Hiến pháp và pháp luật.

Quốc hội đã đề ra các chủ trương, chính sách lớn có liên quan đến quốc kế dân sinh, quyết định về ngân sách quốc gia, về phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, về chính sách dân tộc, về an ninh quốc phòng, về chính sách đối ngoại. Quốc hội cũng đã thực hiện quyền giám sát tối cao trong quá trình thực thi Hiến pháp và luật, kiểm tra sự chỉ đạo điều hành của bộ máy Nhà nước trên các lĩnh vực đời sống xã hội.

### *1.1.1.2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*

Hội đồng nhân dân được thành lập từ cuối năm 1945 theo Sắc lệnh số 63 ngày 22 tháng 11 năm 1945 của Chủ tịch Chính phủ Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Theo sắc lệnh này, Hội đồng nhân dân lúc đầu chỉ được thành lập ở cấp xã và tỉnh bằng hình thức bầu trực tiếp của nhân dân. Nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân khi đó chỉ 2 năm. Tiếp sau đó, trong các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992 và 2013, Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 1992, Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Hội đồng nhân dân được tổ chức ở tất cả các cấp chính quyền địa phương gồm cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã (trừ một số địa phương thí điểm không tổ chức HĐND huyện, quận, phường).

Tùy theo mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau mà HDND cấp tỉnh được quy định những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể qua các bản Hiến pháp từ 1946, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 2013 hay Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 1992, Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003 và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật nói trên đều ghi nhận

Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hội đồng nhân dân quyết định những chủ trương, biện pháp quan trọng để phát huy tiềm năng của địa phương, xây dựng và phát triển địa phương về kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương, làm tròn nghĩa vụ của địa phương đối với cả nước. Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Thường trực HĐND, UBND, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐND; giám sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân ở địa phương.

Với sự phát triển về mọi mặt của đời sống xã hội, pháp luật về tổ chức của HĐND cũng có những thay đổi. Theo đó, từ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003 đến Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, cơ cấu tổ chức của HĐND cấp tỉnh đã rõ nét và cụ thể hơn rất nhiều so với trước. qua đó, các cơ quan

của HĐND tỉnh gồm Thường trực HĐND và các Ban HĐND.

Cơ cấu tổ chức nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND được quy định cụ thể, chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐND cấp tỉnh ngày càng được nâng lên, từng bước khắc phục sự "*lếp vế*" so với UBND và góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng ở địa phương.

#### *1.1.1.3. Đoàn Đại biểu Quốc hội*

Đoàn ĐBQH là một hình thức tổ chức của QH, nhưng không phải là cơ quan của QH, không do QH bầu ra. Từ thực tiễn hoạt động của đại biểu QH ở các địa phương, Đoàn ĐBQH được hình thành trên cơ sở bao gồm các đại biểu QH được bầu trong một đơn vị hành chính cấp tỉnh. Đến nay, ở tất cả các tỉnh, thành phố đều thành lập các Đoàn ĐBQH. Kể từ cuối nhiệm kỳ QH Khóa X đến nay, do tính chất đặc thù và xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn, những quy định liên quan đến Đoàn ĐBQH đã từng bước được sửa đổi, bổ sung theo hướng Đoàn ĐBQH có tư cách độc lập trong tổ chức và hoạt động.

Cơ cấu tổ chức của Đoàn ĐBQH gồm: Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn, đại biểu chuyên trách và các đại biểu QH khác. Nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu của Đoàn ĐBQH là tham gia các hoạt động xây dựng pháp luật của Quốc hội trong thời gian QH họp và không họp; tham gia giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, pháp lệnh, các nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban TVQH ở địa phương; tổ chức cho đại biểu tiếp xúc cử tri...

Xuất phát từ thực tiễn hoạt động của Đoàn ĐBQH, tại kỳ họp thứ 10, QH khóa X đã sửa đổi, bổ sung quy định trong Luật Tổ chức QH về Đoàn ĐBQH. Theo đó, Đoàn ĐBQH có ít nhất một đại biểu hoạt động chuyên trách và có Văn phòng giúp việc. Đến năm 2006, bộ phận giúp việc của Đoàn ĐBQH được sáp nhập vào Văn phòng HĐND cấp tỉnh và đến ngày 11 tháng 12 năm 2007 chính thức được mang tên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh theo Nghị quyết số 545/2007/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII.

#### ***1.1.2. Quá trình xây dựng và phát triển Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân***

Từ khi ra đời đến nay, cùng với sự phát triển ngày càng lớn mạnh của QH và

HĐND các cấp nói chung, cấp tỉnh nói riêng Văn phòng giúp việc của QH, HĐND cấp tỉnh cũng có những bước phát triển mạnh mẽ, từng bước hoàn thiện về cơ cấu, tổ chức để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các cơ quan dân cử.

Ở địa phương, về cơ bản, quá trình xây dựng và phát triển Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND có thể chia thành 3 giai đoạn sau:

#### *1.1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 - 2002*

Ngay sau khi giành được chính quyền, để quản lý và phát triển đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành sắc lệnh về bầu cử Quốc hội và xây dựng hệ thống chính quyền trong tình hình mới. Vào thời điểm này và thời gian dài sau đó do hoàn cảnh đất nước còn trong thời kỳ kháng chiến kiến quốc, công tác giúp việc cho QH, HĐND chưa có sự tách bạch rõ ràng. Năm 1983, Luật tổ chức HĐND và UBND đã được ban hành, trong đó có quy định HĐND cấp tỉnh có bộ máy giúp việc. Tuy nhiên, trên thực tế toàn bộ các công tác tham mưu, giúp việc HĐND đều do Văn phòng UBND tỉnh thực hiện. Ngày 27 tháng 3 năm 2001, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2001/NĐ-CP, Văn phòng UBND tỉnh chuyển thành Văn phòng HĐND và UBND tỉnh. Trong Văn phòng đã hình thành bộ phận riêng giúp việc chuyên trách cho HĐND và bộ phận phục vụ Đoàn ĐBQH. Quy chế hoạt động của ĐBQH và Đoàn ĐBQH năm 1993, Quy chế sửa đổi, bổ sung năm 2001 đã quy định về thư ký chuyên trách giúp việc Đoàn ĐBQH.

#### *1.1.2.2. Giai đoạn từ năm 2002 đến 2007*

Quốc hội và HĐND các cấp được đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động. Nhằm đáp ứng yêu cầu công tác tham mưu, phục vụ cho Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBTVQH đã ban hành Nghị quyết số 416/NQ-UBTVQH11 ngày 25 tháng 9 năm 2003 quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức biên chế của Văn phòng Đoàn ĐBQH; Chính phủ ban hành Nghị định số 133/2004/NĐ-CP thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Văn phòng HĐND cấp tỉnh.

Theo đó, Văn phòng Đoàn ĐBQH có từ 5-8 cán bộ, công chức tùy thuộc vào số lượng ĐBQH và thể sử dụng thêm lao động hợp đồng. Kinh phí hoạt động nằm trong kinh phí của Đoàn ĐBQH do Văn phòng QH cấp. Văn phòng HĐND tỉnh có 1

- 2 Phó Chánh văn phòng, 02 phòng chuyên môn với số lượng biên chế từ 10-13 người tùy thuộc vào số lượng đại biểu HĐND. Kinh phí hoạt động nằm trong kinh phí của HĐND tỉnh, thuộc ngân sách địa phương.

### *1.1.2.3. Giai đoạn từ năm 2008 đến nay*

Xuất phát từ thực tiễn hoạt động chung của Văn phòng HĐND và UBND cấp tỉnh không đạt hiệu quả như mong muốn; đồng thời, để đáp ứng với yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao về công tác tham mưu, phục vụ cho các cơ quan dân cử cấp tỉnh trong tình hình mới, ngày 11 tháng 12 năm 2007, Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 545/2007/UBTVQH12 thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đây là cơ sở pháp lý rất quan trọng cho việc tách Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh ra khỏi Văn phòng UBND tỉnh để hoạt động với tư cách một cơ quan độc lập với các vai trò, chức năng, nhiệm vụ mới.

## **1.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân**

### *1.2.1. Khái niệm Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân*

Như chúng ta đã biết, trên thế giới và ở Việt Nam có khá nhiều khái niệm về văn phòng theo nhiều góc độ khác nhau, nhưng tựu chung lại có thể được khái quát lại theo hai khuynh hướng:

*Theo nghĩa rộng:* Văn phòng là bộ máy làm việc tổng hợp và trực tiếp trợ giúp cho việc điều hành của ban lãnh đạo một cơ quan, đơn vị. Theo quan niệm này thì ở các cơ quan thẩm quyền chung, cơ quan đơn vị có quy mô lớn thì thành lập văn phòng (ví dụ Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, văn phòng UBND tỉnh..) còn ở các cơ quan, đơn vị có quy mô nhỏ thì Văn phòng là phòng hành chính tổng hợp.

*Theo nghĩa hẹp:* Văn phòng là trụ sở làm việc của một cơ quan, đơn vị, là địa điểm giao tiếp đối nội và đối ngoại của cơ quan, đơn vị đó.

Xuất phát từ các quan niệm nêu trên, có thể khẳng định rằng: Văn phòng là bộ máy điều hành tổng hợp của cơ quan, tổ chức; là nơi thu thập và xử lý thông tin hỗ

trợ cho hoạt động quản lý, điều hành; là nơi chăm lo mọi lĩnh vực dịch vụ hậu cần đảm bảo các điều kiện vật chất cho hoạt động của mỗi cơ quan, tổ chức.

Trên thế giới, qua nghiên cứu một số nguồn tài liệu về nghị viện và hội đồng địa phương của các nước, tác giả chỉ thấy đề cập đến văn phòng giúp việc của nghị viện mà chưa tiếp cận được tài liệu nào nghiên cứu hoặc đề cập đến văn phòng giúp việc cho hội đồng địa phương.

Ở Việt Nam, từ năm 2003 trở về trước, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh chưa có văn phòng giúp việc riêng. Công tác tham mưu, phục vụ cho Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh được giao cho Văn phòng UBND tỉnh hoặc Văn phòng HĐND và UBND và với tên gọi khác nhau, lúc được gọi là cơ quan, khi lại được gọi là bộ phận phục vụ... Đến giai đoạn 2003 - 2007, từ những quy định của Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003, Luật Tổ chức QH năm 2001, ngày 25/9/2003, UBTVQH Khóa XI đã ban hành Nghị quyết 416/2003/NQ-UBTVQH11 quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức biên chế của Văn phòng Đoàn ĐBQH. Tiếp đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 133/2004/NĐCP về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức, biên chế của Văn phòng HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của Văn phòng phục vụ HĐND và Đoàn ĐBQH chưa cao. Phần tham mưu cho hoạt động chuyên môn của Đoàn ĐBQH như hoạt động giám sát, thảo luận tham gia ý kiến đối với các dự án luật, giúp ĐBQH trong các hoạt động tại các kỳ họp QH... chưa rõ và chưa thật sự hiệu quả.

Trước thực trạng đó, ngày 11/12/2007, UBTVQH Khóa XII đã ban hành Nghị quyết 545/2007/NQ-UBTVQH12 về việc Thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở hợp nhất Văn phòng Đoàn ĐBQH và Văn phòng HĐND, với 7 điều quy định về 6 nội dung chủ yếu, như: vị trí chức năng, tư cách pháp nhân của văn phòng, thẩm quyền thành lập văn phòng; các nhiệm vụ cụ thể của văn phòng trong phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH và trong phục vụ hoạt động của HĐND...

Theo quy định của Nghị quyết số 545 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII thì: "*Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân là cơ quan giúp*

*việc của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) có nhiệm vụ tham mưu và tổ chức phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội; Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh". [35]*

Qua tham khảo, nghiên cứu nhiều tài liệu liên quan nói về Văn phòng Đoàn ĐBQH, Văn phòng HĐND cấp tỉnh trước đó, thì thấy rằng quy định của Nghị quyết số 545 về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh như vậy là tương đối đầy đủ, nói lên được vai trò vị trí của phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, không chỉ là bộ phận phục vụ, giúp việc cho các cơ quan dân cử cấp tỉnh như trước đây mà nó đã được công nhận là một cơ quan với đầy đủ tên gọi, có địa vị pháp lý cụ thể; đồng thời, quy định rõ ràng về cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của nó. Từ đó góp phần nâng cao vai trò, vị trí của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trong hệ thống các cơ quan nhà nước. Điều đó cũng thể hiện sự quan tâm và ghi nhận của các cấp lãnh đạo đối với những đóng góp to lớn, thiết thực của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trong thời gian qua.

### ***1.2.2. Đặc điểm của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân***

#### ***1.2.2.1 Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động liên tục không có nhiệm kỳ***

Theo quy định của pháp luật, mỗi khóa QH và HĐND tỉnh hoạt động theo nhiệm kỳ, có thời hạn nhất định (tùy theo quy định, nhưng thông thường 05 năm). Mặc dù là cơ quan tham mưu, phục vụ nhưng Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND không phụ thuộc vào nhiệm kỳ của QH hay HĐND tỉnh mà nó hoạt động liên tục, xuyên suốt, kết nối các hoạt động của các khóa QH, HĐND tỉnh với nhau. Chính vì vậy, trong thời gian giao thoa giữa khóa mới và cũ thì Đoàn ĐBQH và Thường trực HĐND và các Ban HĐND tỉnh có thể không hoạt động, nhưng Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh vẫn duy trì thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Chính từ đặc điểm này, mặc dù chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào chính thức thừa nhận Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh là cơ quan hành chính một cách thuần túy, nhưng trong việc xếp khối thi đua cũng như danh mục

các cơ quan thuộc tỉnh nó được xếp vào khối cơ quan hành chính.

#### *1.2.2.2. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chịu sự lãnh đạo của nhiều cơ quan và cá nhân có thẩm quyền*

So với các văn phòng khác như Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh cùng lúc chịu sự lãnh đạo của nhiều cơ quan và cá nhân có thẩm quyền như: Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Đoàn ĐBQH, Trưởng đoàn ĐBQH, Phó Trưởng đoàn chuyên trách Đoàn ĐBQH... Bên cạnh đó, còn chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng đoàn HĐND. Do cùng lúc chịu sự lãnh đạo của nhiều cơ quan, cá nhân như vậy nên giữa Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền của Đoàn ĐBQH, của HĐND tỉnh có rất nhiều mối quan hệ. Nhờ có nhiều các mối quan hệ như vậy, hơn nữa lại là các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền cao của tỉnh nên cũng có nhiều thuận lợi trong công tác tổ chức và hoạt động của cơ quan. Tuy nhiên, cũng do một lúc phải tham mưu, phục vụ nhiều cơ quan, cá nhân có thẩm quyền nên có lúc bị động về mặt con người, không đảm bảo và thời gian hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của lãnh đạo. Bên cạnh đó, thường xuyên bị động trong việc bố trí phương tiện phục vụ công tác của lãnh đạo, nhất là trong các đợt tiếp xúc cử tri hoặc đi công tác xa.

#### *1.2.2.3 Có cấu tổ chức và tên gọi của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND nhiều lần có sự thay đổi*

Qua nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của các cơ quan trong bộ máy nhà nước cho thấy, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh là cơ quan có nhiều thăng trầm nhất, lúc nhập vào, khi tách ra với nhiều tên gọi nhất và địa vị pháp lý cũng khó xác định một cách cụ thể nhất.

#### **1.2.3. Vai trò của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân**

Theo quy định của Nghị quyết số 545/2007/UBTVQH12 Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh là cơ quan giúp việc của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, có nhiệm vụ tham mưu và tổ chức phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH, Trưởng Đoàn, Phó Trưởng đoàn ĐBQH, đại biểu QH, Thường trực HĐND, Ban của HĐND và đại biểu HĐND cấp tỉnh. Do vậy, Văn phòng có vai trò hết sức quan trọng trong tham

mur, tổ chức phục vụ và đảm bảo mọi điều kiện hoạt động của cơ quan dân cử tại địa phương.

*1.2.3.1. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân là thiết chế đảm bảo hiệu quả hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh*

Hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh muốn đạt hiệu quả cao phải cần đến rất nhiều nhân tố. Trong đó, một trong những nhân tố quan trọng bậc nhất là sự tham mưu, phục vụ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

Với cơ cấu tổ chức đầy đủ các bộ phận, đội ngũ cán bộ công chức có trình độ chuyên môn sâu, nguồn tài chính, vật lực được nhà nước bảo đảm, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thực hiện công tác tham mưu, tổ chức mọi hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Văn phòng đã chủ động tham mưu cho Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, các ban HĐND tỉnh tổ chức các cuộc khảo sát, giám sát thường xuyên, giám sát chuyên đề; thẩm tra các báo cáo, đề án trình tại kỳ họp; xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp Quốc hội và các kỳ họp HĐND tỉnh..., nhất là đã tham mưu cho Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND tỉnh, các ban HĐND tỉnh xây dựng, ban hành quy chế hoạt động của từng nhiệm kỳ; tham mưu xử lý những vấn đề quan trọng của tỉnh phát sinh giữa 2 kỳ họp do UBND tỉnh trình; các văn bản chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Đoàn ĐBQH, của Thường trực HĐND tỉnh trên từng lĩnh vực, từng nhiệm vụ cụ thể... Cùng với đó, Văn phòng thực hiện tốt đảm bảo các điều kiện hoạt động của Đoàn ĐBQH, HĐND; công tác cải cách hành chính, thi đua, khen thưởng, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; công tác tổ chức, cán bộ, công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ... Nhờ vậy, đã đảm bảo duy trì thường xuyên mọi hoạt động và góp phần rất lớn vào nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của Đoàn ĐBQH, và HĐND tỉnh.

*1.2.3.2. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh góp phần giữ mối liên hệ phối hợp hoạt động với QH và các cơ quan Nhà nước khác*

Trong quá trình hoạt động, giữa Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có rất nhiều mối quan hệ với các cơ quan khác từ Trung ương đến địa phương. Các mối quan hệ này có sự đan xen, chằng chịt với nhau. Mặc dù đều là những cơ quan độc lập, nhưng

trong chừng mực nào đó, Đoàn ĐBQH và HĐND không thể tự mình hình thành hoặc liên kết các mối quan hệ với các chủ thể khác mà phải thông qua cơ quan giúp việc là Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh. Việc giúp Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các chủ thể khác được Văn phòng thể hiện qua các hoạt động cơ bản sau:

Văn phòng giúp Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh thực hiện việc tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân của tỉnh theo quy định. Bên cạnh đó, để giải quyết một số vấn đề khó khăn, nổi cộm mà đại biểu và cử tri quan tâm, Văn phòng tham mưu Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức làm việc, trao đổi với UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan để nghe UBND tỉnh và các cơ quan chức năng báo cáo kết quả giải quyết các vấn đề có liên quan, các kiến nghị sau giám sát của Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, các Ban và Tổ đại biểu HĐND tỉnh để thống nhất biện pháp, thời gian giải quyết.

Trong công tác TXCT: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh là cầu nối để Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phối hợp với HĐND, UBND, UBMTTQVN các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra.

Ngoài ra, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh còn là cầu nối giữa Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh với các cơ quan trung ương và địa phương thông qua việc gửi hoặc tiếp nhận các báo cáo có liên quan theo quy định của pháp luật hoặc theo sự yêu cầu, đề nghị giữa các bên.

*1.2.3.3. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND là cầu nối giữa đại biểu QH, đại biểu HĐND và cử tri trên địa bàn tỉnh*

Theo quy định của pháp luật, đại biểu QH và đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm gần gũi cử tri nơi cư trú, nơi làm việc, phải thực hiện nhiệm vụ tiếp xúc cử tri trước và sau mỗi kỳ họp. Tuy vậy, do đặc thù công tác hoặc đòi hỏi phải có các điều kiện kèm theo nên trong những trường hợp nhất định, cá nhân đại biểu QH hoặc đại biểu HĐND tỉnh không thể tự mình tổ chức TXCT. Do đó, với chức năng, nhiệm vụ của mình Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh là người phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan và các địa phương tổ chức các hội nghị TXCT để đại biểu có điều kiện gần gũi tiếp xúc với cử tri. Qua đó, trao đổi thông tin mà mình có

được với cử tri, giải thích, giải đáp những thắc mắc và tiếp nhận tâm tư tình cảm cũng như các kiến nghị của cử tri.

Bên cạnh việc phối hợp tổ chức các hội nghị TXCT, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh còn tổ chức đề đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; tiếp nhận và chuyển các ý kiến kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo của cử tri gửi đến đại biểu QH hoặc đại biểu HĐND tỉnh. Sau đó, thông báo kết quả xử lý các kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo để cử tri được biết.

### **1.3. Tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh**

#### ***1.3.1. Tổ chức của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh***

##### *1.3.1.1. Bộ máy tổ chức*

Theo quy định tại Điều 3, Nghị quyết số 545/2007/UBTVQH12, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh gồm các bộ phận sau: Lãnh đạo Văn phòng gồm Chánh Văn phòng các Phó Chánh Văn phòng và các phòng chuyên môn. Biên chế của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND nằm trong tổng biên chế hành chính của địa phương do UBND cấp tỉnh phân bổ sau khi thống nhất với Trưởng Đoàn ĐBQH và Thường trực HĐND.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh do Thường trực HĐND bổ nhiệm trên cơ sở thống nhất với Trưởng Đoàn ĐBQH. Chánh Văn phòng là người đứng đầu Văn phòng, điều hành công việc chung của Văn phòng và chịu trách nhiệm trước Thường trực HĐND, Trưởng Đoàn, Phó Trưởng đoàn ĐBQH và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Văn phòng.

Phó Chánh Văn phòng cũng do Thường trực HĐND bổ nhiệm trên cơ sở thống nhất với Trưởng Đoàn ĐBQH. Các Phó Chánh Văn phòng giúp Chánh Văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Chánh Văn phòng.

Các phòng chuyên môn của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND có: Phòng Công tác đại biểu Quốc hội, Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và yêu cầu thật sự cần thiết, Thường trực HĐND sau khi thống nhất với Trưởng Đoàn ĐBQH quyết định

thành lập thêm Phòng Thông tin-Dân nguyện.

Việc bổ nhiệm Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng thuộc thẩm quyền của Chánh Văn phòng sau khi xin ý kiến của Thường trực HĐND và Trưởng Đoàn ĐBQH.

Chức năng, nhiệm vụ và biên chế của từng Phòng do Thường trực HĐND quyết định sau khi thống nhất với Trưởng Đoàn ĐBQH.

#### *1.3.1.2. Quan hệ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh*

Với vai trò, vị trí là cơ quan tham mưu, phục vụ cho các cơ quan dân cử của tỉnh nên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có rất nhiều mối quan hệ khác nhau. Điều này được thể hiện như sau:

Đối với các cơ quan Trung ương: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh quan hệ với Ban công tác ĐBQH, Ban Dân nguyện, Văn phòng QH, Văn phòng Chính phủ thông qua việc gửi báo cáo tình hình hoạt động của Đoàn ĐBQH, của HĐND tỉnh theo định kỳ quy định. Cùng với đó là thông qua các hoạt động tập huấn nghiệp vụ, hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động.

Đối với các cơ quan của tỉnh: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có mối quan hệ chặt chẽ với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND thông qua việc ký kết Quy chế phối hợp giữa các văn phòng trong công tác tham mưu, phục vụ cho lãnh đạo tỉnh

Đối với các sở, ngành Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thường xuyên trao đổi qua lại thông tin hoạt động để báo cáo lãnh đạo Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh theo yêu cầu.

Đối với cấp huyện: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có mối quan hệ chặt chẽ với Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện thông qua công tác báo cáo định kỳ và trao đổi kinh nghiệm hoạt động. Bên cạnh đó, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh cũng có mối quan hệ với HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện, cấp xã thông qua việc trao đổi cung cấp thông tin phục vụ các buổi làm việc, giám sát của Đoàn ĐBQH hoặc HĐND tỉnh với các địa phương; phối hợp trong công tác tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND tỉnh tại các địa phương.

Nói tóm lại, mặc dù không có quy định về cấp trên, cấp dưới giữa Văn phòng

Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh với các cơ quan trung ương hay với cấp huyện, cấp xã, nhưng trên thực tế Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có rất nhiều mối quan hệ với các cơ quan trung ương và địa phương, đây cũng là một trong những điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động của mình; đồng thời, nó cũng là đặc điểm mà không có bất cứ cơ quan hành chính nào có được.

### **1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh**

#### **1.3.2.1. Chức năng của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh**

Cũng giống như các văn phòng khác, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh là cơ quan có chức năng tham mưu, tổng hợp và tổ chức phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH, Trưởng Đoàn, Phó trưởng đoàn ĐBQH hội, đại biểu QH, Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND tỉnh. Được thể hiện cụ thể như sau:

Chức năng tham mưu, tổng hợp: Giúp cho lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh có chủ trương, kế hoạch, mục tiêu hoạt động của cơ quan đúng quy định của pháp luật, đúng chương trình và đạt hiệu quả cao. Cùng với đó, Văn phòng tổng hợp các nội dung chuyên môn, phân tích, chọn lọc để đưa ra những nội dung nhằm cung cấp cho lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh về những thông tin có liên quan để phục vụ công tác.

Chức năng giúp việc: Văn phòng là bộ máy trực tiếp giúp cho việc điều hành, quản lý các hoạt động của lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh của thông qua các công việc cụ thể như xây dựng chương trình, kế hoạch công tác ngày, tuần, tháng, quý... và tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch đó. Văn phòng cũng là nơi thực hiện các hoạt động lễ tân; tổ chức các cuộc họp, các hội nghị, hội thảo; tổ chức các chuyến đi công tác; soạn thảo và quản lý các văn bản...

Chức năng hậu cần: Văn phòng thực hiện việc cung cấp, bố trí, quản lý các phương tiện, thiết bị dụng cụ, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh căn cứ trên cơ sở nhu cầu công việc với phương châm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả.

#### **1.3.2.2. Nhiệm vụ của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh**

Theo quy định của Nghị quyết số 545/2007/UBTVQH12, Văn phòng Đoàn

ĐBQH và HĐND tỉnh có rất nhiều nhiệm vụ trong việc tham mưu, phục vụ cho Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

*Công tác tham mưu:*

Về chương trình công tác: Căn cứ chương trình hoạt động của các cơ quan cấp trên như Quốc hội, Chính phủ và bám sát tình hình thực tế của địa phương, Văn phòng tham mưu xây dựng chương trình làm việc, kế hoạch hoạt động hàng tháng, hàng quý, sáu tháng và cả năm của Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND, Thường trực HĐND và các Ban HĐND.

Sau mỗi tháng, quý và năm Văn phòng tham mưu các báo cáo về tình hình và kết quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND, Thường trực HĐND và các Ban HĐND theo quy định.

Trong các hoạt động giám sát, khảo sát: Căn cứ chương trình công tác giám sát được xây dựng từ đầu năm, Văn phòng tham mưu kế hoạch giám sát, khảo sát theo từng nội dung cụ thể cho Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND, Thường trực HĐND và các Ban HĐND; đồng thời, tiến hành thu thập, nắm bắt thông tin để kịp thời cung cấp cho các cơ quan giám sát có đủ lượng thông tin khi làm việc.

Sau các cuộc giám sát, văn phòng tham mưu báo cáo kết luận giám sát. Bên cạnh đó, tham mưu văn bản đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các kết luận giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND, Thường trực HĐND hoặc các Ban HĐND tỉnh.

Về công tác tiếp xúc cử tri: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tham mưu kế hoạch, nội dung, xây dựng lịch tiếp xúc cử tri cho các đại biểu quốc hội, HĐND tỉnh tiến hành TXCT trước và sau các kỳ họp theo quy định. Đồng thời, tham mưu báo cáo tổng hợp các ý kiến của cử tri sau các đợt tiếp xúc để gửi đến các cơ quan hữu quan yêu cầu xem xét giải quyết.

Trong công tác xây dựng pháp luật: Căn cứ vào sự cần thiết và tình hình thực tế của địa phương, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tham mưu kế hoạch, nội dung để Đoàn ĐBQH và Thường trực HĐND tỉnh tổ chức các hội nghị góp ý vào các dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, UBTVQH và HĐND tỉnh.

### *Công tác phục vụ:*

Trên thực tế, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có rất nhiều hoạt động. Để đảm bảo các hoạt động cho Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh diễn ra đúng kế hoạch và đạt hiệu quả, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phải chuẩn bị nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất để thực hiện các nhiệm vụ như:

Phục vụ Đoàn ĐBQH tỉnh tham dự các kỳ họp QH; các cuộc giám sát, hội nghị, hội thảo, các cuộc TXCT do Đoàn ĐBQH tổ chức; phục vụ Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn hoặc đại biểu QH tham gia các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, các chuyến công tác nước ngoài, các hoạt động giám sát do các cơ quan của QH tổ chức.

Phục vụ chu đáo công tác tổ chức các kỳ họp HĐND, các phiên họp, cuộc họp, các cuộc họp giao ban, hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND và các Ban HĐND tỉnh; các cuộc TXCT của đại biểu HĐND tỉnh...

Bên cạnh đó, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh còn phục vụ Đoàn ĐBQH, đại biểu QH, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, đại biểu HĐND tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân; phục vụ Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND tỉnh lập dự toán kinh phí hoạt động hàng năm, tổ chức thực hiện, quản lý kinh phí hoạt động của Đoàn ĐBQH và kinh phí hoạt động của HĐND; phục vụ lãnh đạo Đoàn ĐBQH và Thường trực HĐND thực hiện chế độ, chính sách đối với đại biểu QH và đại biểu HĐND.

Ngoài việc tham mưu, phục vụ cho Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh còn thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác như: Quản lý cơ sở vật chất, hoạt động nghiên cứu khoa học, công tác hành chính, lưu trữ, bảo vệ và lễ tân của cơ quan, của Đoàn ĐBQH và HĐND; tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện việc quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND theo quy định của pháp luật.

## **1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh**

### ***1.4.1. Các yếu tố chủ quan***

Các yếu tố chủ quan liên quan đến cấu trúc bên trong của tổ chức gồm có: Cơ

cấu tổ chức, nguồn nhân lực, cơ chế hoạt động văn phòng, điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật.

*Một là, cơ cấu tổ chức:*

Hoạt động của Văn phòng trước hết phụ thuộc vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, phạm vi ảnh hưởng, đối tượng điều chỉnh, các mối quan hệ, nghĩa vụ và quyền lợi mà cơ quan tham gia. Chức năng, nhiệm vụ của văn phòng cũng có thể được quy định bởi cơ quan cấp trên một cấp hoặc do cấp trên trực tiếp quy định. Các điều kiện trên quy định quy mô và tính chất hoạt động của mỗi văn phòng. Các quy định đó cùng với các chế độ, chính sách khác của Nhà nước cũng tạo ra khung pháp lý cần thiết cho hoạt động của văn phòng. Cùng trong yếu tố tổ chức này, hoạt động văn phòng chịu ảnh hưởng trong mối quan hệ tương tác với các phòng ban, bộ phận khác trong cơ quan, tổ chức.

*Hai là, đội ngũ nhân sự:*

Trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý hiện nay, con người có ý nghĩa rất to lớn đối với hoạt động của công tác văn phòng. Yếu tố này ngày càng có vai trò quan trọng hơn vì trong thời gian qua việc đào tạo nguồn nhân lực cho công tác văn phòng không được coi trọng, thậm chí văn phòng là nơi dồn dịch những người dôi dư, khó sắp xếp ở các bộ phận khác trong cơ quan. Mặt khác, cơ cấu lao động Văn phòng hiện đang thay đổi mạnh mẽ do những quy định mới của Nhà nước. Việc áp dụng những biện pháp quản lý mới như khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ sở, thực hiện cơ chế khoán...

Tóm lại, yếu tố con người rất quan trọng, bởi liên quan đến việc tổ chức quản lý, điều hành, khả năng lãnh đạo, ý thức làm việc của bộ máy văn phòng. Nếu không có yếu tố này hoặc yếu tố này hoạt động không tốt thì văn phòng ngừng hoặc làm việc kém hiệu quả. Khai thác tốt yếu tố này với năng lực, nghệ thuật quản lý điều hành sẽ giúp cho hoạt động của văn phòng diễn ra thường xuyên, có hiệu quả, tăng tính sáng tạo, tiết kiệm chi phí... Ngược lại, sẽ kìm hãm, bế tắc trong các hoạt động của văn phòng. Do đó, đòi hỏi người lãnh đạo phải biết điều hành tổ chức, quản lý tốt bộ máy văn phòng và đòi hỏi nhân viên là những người có kỹ năng chuyên môn, ý thức trách nhiệm cao...thì sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

*Ba là, cơ chế hoạt động của văn phòng:*

Cơ chế hoạt động của văn phòng hiện nay đang có nhiều cải tiến. Vai trò của văn phòng ngày càng được đánh giá đầy đủ và rõ ràng hơn. Sự ràng buộc trách nhiệm giữa văn phòng với các phòng ban chuyên môn ngày càng được củng cố. Văn phòng ngày càng có trách nhiệm hơn trong việc liên kết phối hợp với các cơ quan khác, có vai trò ngày càng quan trọng trong thực hiện các quy chế công khai, dân chủ, chống lãng phí và chống tham nhũng.

*Bốn là, cơ sở vật chất kỹ thuật:*

Cơ sở vật chất, trang thiết bị văn phòng được đảm bảo giúp truyền tải và thực hiện các quyết định quản lý của lãnh đạo, có ảnh hưởng trực tiếp tới năng suất lao động, chất lượng công việc, tác động đến quá trình quản lý điều hành của các nhà lãnh đạo. Yêu cầu đặt ra đối với yếu tố này là luôn đầy đủ về số lượng, phù hợp với nhu cầu công việc; phải đảm bảo tính hiện đại hóa trang thiết bị và người lãnh đạo phải kết hợp bố trí, sắp xếp khoa học, hợp lý tạo tính thẩm mỹ, tránh thất thoát, lãng phí.

#### **1.4.2. Các yếu tố khách quan**

Các yếu tố ảnh hưởng từ môi trường bên ngoài gồm: yếu tố chính sách, pháp luật kinh tế - xã hội.

*Một là, chính sách – pháp luật:*

Chính sách, pháp luật trực tiếp ảnh hưởng đến sự tồn tại, phát triển của cơ quan, tổ chức vì mỗi cơ quan, tổ chức đều hoạt động dựa trên sự quản lý của Nhà nước bằng các quy định, pháp luật do Nhà nước ban hành. Những chính sách, quy định của Nhà nước về văn phòng là hành lang pháp lý chung, là căn cứ để văn phòng xây dựng nội quy, quy chế hoạt động. Những chính sách, pháp luật này đầy đủ, phù hợp và có hiệu lực thi hành cao sẽ thuận lợi cho quá trình tổ chức hoạt động của cơ quan, tổ chức nói chung và hoạt động của văn phòng nói riêng. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật phải luôn hoàn chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển mỗi thời kỳ và có tính khả thi cao là điều kiện để công tác văn phòng thực hiện có hiệu quả hơn.

*Hai là, trình độ phát triển kinh tế - xã hội:*

Mọi cơ quan, tổ chức ngoài việc phải tuân thủ pháp luật trong hoạt động, đều

phải vận hành hoạt động theo các quy luật kinh tế, xã hội vì các quy luật đó có tác động rất lớn đến hoạt động của cơ quan, tổ chức nói chung và cả hoạt động của văn phòng nói riêng. Nếu kinh tế - xã hội phát triển thuận lợi sẽ có tác động tích cực đến hoạt động của cơ quan, tổ chức. Ngoài ra, môi trường kinh tế, xã hội ổn định, phát triển còn góp phần cải tạo tự nhiên, xã hội tạo môi trường kinh tế lành mạnh. Hơn nữa, sự tăng trưởng, phát triển kinh tế đất nước, khu vực và cả thế giới đều có ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển của cơ quan, tổ chức. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đòi hỏi các cơ quan, tổ chức không ngừng nâng cao, tự đổi mới và có bước đi đúng hướng trong đó hoạt động văn phòng cũng được quan tâm, cải tiến cho phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội nói chung và của địa phương nói riêng.

Như vậy, với sự tác động của các yếu tố trên đều ảnh hưởng đến hoạt động văn phòng trong mỗi cơ quan, tổ chức. Vì vậy, cần vận dụng những điều kiện thuận lợi, tác động tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực để hoạt động của cơ quan, tổ chức cũng như hoạt động văn phòng đạt được hiệu quả tốt nhất mà vẫn tiết kiệm chi phí hoạt động.

### **Kết luận Chương 1**

Chương này, tác giả đã giới thiệu khái quát sơ lược về lịch sử hình thành từ rất sớm của Văn phòng giúp việc Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh từ khi thành lập nước đến nay. Cùng với những thăng trầm của lịch sử dân tộc, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh từng bước trưởng thành và phát triển. Đến nay đã hình thành được tên gọi một cách đầy đủ và xác định được vai trò, vị trong hệ thống các cơ quan nhà nước. Đồng thời, đã trình bày một cách đầy đủ về những vấn đề lý luận chung về Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh. Trong đó, đi sâu phân tích những quy định của pháp luật về vai trò, chức năng, nhiệm vụ, các mối quan hệ của văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND. Bên cạnh đó, cũng chỉ ra được những yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến chất lượng, hiệu quả của Văn phòng. Trên cơ sở lý luận này thì chương 2 sẽ làm sáng tỏ vấn đề ở phần nội dung tổ chức và hoạt động văn phòng ở Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

#### **2.1. Một số yếu tố tác động đến tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam**

##### ***2.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam***

Tỉnh Quảng Nam nằm ở trung tâm của đất nước, trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung gồm Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Với vị trí địa lý thuận lợi, Quảng Nam có hầu như tất cả các lợi thế về giao thông: Phía Đông có tuyến Quốc lộ 1A, phía Nam có đường Hồ Chí Minh. Kết nối giữa Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh là các tuyến Quốc lộ 14B, 14E, 14D, và 14G. Đường tỉnh lộ gồm 18 tuyến với tổng chiều dài gần 500 km. Đặc biệt, quốc lộ 14 là tuyến thông suốt với nước CHDCND Lào qua cửa khẩu Đắc Ớc (huyện Nam Giang) và cửa khẩu Cà Lùm (huyện Tây Giang). Có tuyến đường sắt Bắc-Nam chạy qua dài 95km; sân bay Chu Lai với đủ năng lực tiếp nhận các chuyến bay nội địa và quốc tế; hệ thống giao thông đường thủy cũng khá phong phú với các tuyến đường sông và đường biển, bên cạnh đó cảng nước sâu Kỳ Hà có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải lớn hàng nghìn tấn... Với hệ thống giao thông thuận tiện, Quảng Nam là một trong những nơi có mật độ giao thương hàng hóa rất lớn với các địa phương trong nước và quốc tế.

Với diện tích tự nhiên rộng lớn: 10.406 Km<sup>2</sup>, có đầy đủ các yếu tố hợp thành như rừng núi, trung du, đồng bằng và biển là điều kiện vô cùng thuận lợi cho việc phát triển kinh tế đa lĩnh vực, đa ngành nghề của địa phương.

Bên cạnh sự thuận lợi về vị trí địa lý, Quảng Nam còn là địa phương có 2 di sản văn hóa (Khu Di tích Mỹ Sơn và phố cổ Hội An) được thế giới công nhận và 260 di tích văn hóa, lịch sử cách mạng. Giá trị văn hóa Quảng Nam còn được tạo nên bởi những sắc màu văn hóa độc đáo ẩn chứa trong các phong tục tập quán, lễ

hội của các dân tộc sinh sống trên miền đất này. Đây chính là tài sản vô giá, niềm tự hào của cộng đồng các dân tộc Quảng Nam.

Sự kết hợp giữa vẻ đẹp của thiên nhiên nơi đây, những nét tinh tế, hoài cổ của 2 di sản văn hóa thế giới và sự đặc sắc của văn hóa các dân tộc đã làm cho ngành du lịch của tỉnh phát triển khá mạnh trong những năm qua, góp phần mang lại nguồn thu khá lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Một yếu tố quan trọng không thể không kể tới đó là nguồn lực về con người của tỉnh cũng khá dồi dào, với số dân xấp xỉ 1,5 triệu người. Trong đó có 718.794 người trong độ tuổi lao động chiếm 52,6% dân số.

Với tư duy chọn hướng đột phá phát triển là phát triển công nghiệp, trong những năm qua Quảng Nam đã xây dựng được khu kinh tế mở Chu Lai, các khu công nghiệp sau: KCN Điện Nam - Điện Ngọc, KCN Thuận Yên, KCN Trảng Nhật... và nhiều cụm công khác. Nhờ đó đã góp phần đáng kể vào hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng: Công nghiệp, dịch vụ - Thương mại, du lịch - Nông nghiệp.

Có thể nói Quảng Nam chứa đựng nhiều tiềm năng, cơ hội lớn để phát triển mạnh mẽ... Các yếu tố về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội có tác động rất lớn đến quá trình phát triển của tỉnh Quảng Nam về mọi mặt trong thời gian qua, trong đó có sự ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

### ***2.1.2. Quan điểm của cấp ủy và chính quyền tỉnh Quảng Nam về công tác lãnh đạo và quản lý trên địa bàn tỉnh***

Xác định rõ vai trò quan trọng của cán bộ và công tác cán bộ đối với sự vững mạnh ngang tầm trước đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà, nhất là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập sâu kinh tế quốc tế, những năm gần đây Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Nam đặc biệt quan tâm, chú trọng, tích cực chăm lo công tác cán bộ. Trong đó đáng chú ý là Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 30/6/2011 về Công tác cán bộ giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020.

Thực hiện Nghị quyết 04 của Tỉnh ủy về công tác cán bộ trước hết, về công tác quy hoạch cán bộ của Văn phòng được coi là khâu quan trọng đầu tiên. Qua đó,

Đảng đoàn HĐND, lãnh đạo Thường trực HĐND, lãnh đạo Đoàn ĐBQH xác định làm tốt công tác quy hoạch cán bộ là chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm tính liên tục, kế thừa. Chất lượng cán bộ đưa vào quy hoạch đều đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định; tỷ lệ cán bộ nữ đạt 50%/, cán bộ trẻ đạt từ 31% . Cơ cấu cũ, mới ở đại hội Đảng của Đảng ủy, các chi bộ đổi mới không dưới 1/3 tổng số cấp ủy viên. Việc thực hiện một cách bài bản, nghiêm túc, đúng quy trình, công khai, dân chủ trong quy hoạch cán bộ vừa đáp ứng kịp thời công tác cán bộ và công tác nhân sự cho nhiệm kỳ 2010-2015 và nhiệm kỳ 2015 - 2020; vừa tạo được niềm tin, động lực mới trong đội ngũ cán bộ cơ quan.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: Xuất phát từ yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trên cơ sở quy hoạch cán bộ và tình hình thực tế cán bộ của cơ quan, trong những năm qua lãnh đạo cơ quan phối hợp với Đảng ủy xây dựng đề án và ban hành nhiều kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng cho từng giai đoạn và từng năm, với nhiều loại hình đào tạo, cấp đào tạo thích hợp với từng đối tượng cán bộ, từng chuyên ngành; đề động viên khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ vượt qua khó khăn, tích cực học tập nâng cao trình độ, đạt kết quả tốt, cơ quan đã vận dụng nhiều chính sách hỗ trợ thiết thực. Từ năm 2011 đến 2015, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã cử trên 70 lượt cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ.... Đặc biệt, đã cử 07 cán bộ, công chức đi đào tạo thạc sĩ; 06 cán bộ, công chức đi đào tạo đại học; 08 cán bộ, công chức đi đào tạo lý luận chính trị.

Tính đến cuối năm 2015, 100% lãnh đạo cấp phòng trở lên của cơ quan có trình độ đại học trở lên và 71% có trình độ lý luận cao cấp, cử nhân chính trị; Có 92% cán bộ, công chức chuyên môn của cơ quan có trình độ đại học trở lên. Đây là yếu tố cực kỳ quan trọng cấu thành chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, là nhân tố hàng đầu bảo đảm sự ngang tầm của công tác tham mưu trong quyết định các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương của cơ quan dân cử.

Bên cạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công tác luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo của văn phòng cũng được triển khai thực hiện nghiêm túc, cơ bản dựa trên cơ sở đánh giá và quy hoạch cán bộ, từng bước khắc phục tình trạng khép kín trong việc bố trí các chức danh chủ chốt của cơ quan. Từ năm 2010 đến 2015 đã có 03 cán bộ lãnh đạo, quản lý được luân chuyển; bổ nhiệm 02 Phó chánh Văn phòng, 05 Trưởng phòng và 08 Phó trưởng phòng.

Cùng với sự quan tâm về công tác cán bộ, trong những năm qua các cấp lãnh đạo của tỉnh Quảng Nam cũng dành cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh sự quan tâm lớn về việc đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ công tác. Nhìn chung, cơ sở vật chất hiện nay cơ bản đáp ứng được nhu cầu cho các hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

Từ những chủ trương và việc làm trên, nhìn lại những năm gần đây công tác cán bộ và việc xây dựng đội ngũ cán bộ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã khắc phục được một số hạn chế bất cập và từng bước đi vào nền nếp, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai và chặt chẽ hơn. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng lên, cơ bản đáp ứng được yêu cầu công tác tham mưu, phục vụ cho lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh.

### ***2.1.3. Thực trạng Đại biểu quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam***

#### ***2.1.3.1. Đại biểu Quốc hội tỉnh***

Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Nam Khóa XIII, nhiệm kỳ 2011-2016 có 08 đại biểu, cơ cấu ở nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt ở trung ương và địa phương. Trong đó, 01 đại biểu nữ, người dân tộc thiểu số, trẻ tuổi (dưới 35 tuổi), 02 đại biểu công tác tại các cơ quan trung ương và 06 đại biểu công tác tại các cơ quan địa phương. Từ tháng 02/2015, đại biểu Nguyễn Đức Hải được điều động về trung ương giữ chức vụ Chủ nhiệm UB Tài chính-Ngân sách của Quốc hội; 02 đại biểu hoạt động chuyên trách (01 đại biểu chuyên trách là Ủy viên Thường trực Ủy ban Pháp luật của Quốc hội và 01 đại biểu chuyên trách là Phó Trưởng Đoàn ĐBQH (từ tháng 10/2015 đại biểu Trần Xuân Vinh – Phó Trưởng đoàn ĐBQH chuyên trách được bầu giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ

nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy).

Các ĐBQH thuộc Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Nam luôn đề cao trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người đại biểu dân cử, có nhiều nỗ lực đổi mới phương thức hoạt động để ngày càng thực hiện tốt hơn, có hiệu quả hơn nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong các lĩnh vực xây dựng pháp luật, giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giữ mối liên hệ mật thiết, gắn bó với cử tri, thường xuyên theo dõi nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, các ý kiến kiến nghị của cử tri và báo cáo với cử tri về kết quả hoạt động của Đoàn ĐBQH, Quốc hội. Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Nam có 05 đại biểu tham gia làm thành viên các ủy ban của QH; các đại biểu tích cực tham gia các hoạt động của ủy ban mà mình làm thành viên, đặc biệt là hoạt động thăm tra, góp ý luật, giám sát do ủy ban đó tổ chức. *"Hầu hết các đại biểu QH tỉnh Quảng Nam đã làm tròn trách nhiệm, nhiệm vụ chính trị của mình, có nhiều đóng góp tích cực trong các lĩnh vực hoạt động của QH, kịp thời phản ánh trực tiếp với các bộ, ngành và trong các diễn đàn của QH về những vấn đề bức xúc của cử tri và nhân dân; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân,... đóng góp nhiều ý kiến xác đáng trong hoạt động lập pháp, giám sát cũng như quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và việc triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước tại địa phương"* [13].

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, cũng phải nhìn nhận một cách khách quan rằng, đại biểu QH tỉnh chủ yếu là đại biểu kiêm nhiệm, giữ nhiều trọng trách quan trọng của tỉnh và trung ương nên việc tham gia thực hiện nhiệm vụ đại biểu chưa đầy đủ; vấn đề bức xúc của nhân dân tuy được ĐBQH ghi nhận, phản ánh nhưng quá trình đôn đốc giải quyết kiến nghị cử tri đôi lúc chưa kịp thời, chưa xây dựng chương trình hoạt động giám sát riêng của từng đại biểu...

#### *2.1.3.2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam*

Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Khóa VIII, nhiệm kỳ 2011-2016 gồm 58 vị đại biểu, trong đó đại biểu nữ có 12 đại biểu, chiếm xấp xỉ 21%; người dân tộc ít người có 6 đại biểu, chiếm 10,34%; tôn giáo có 01 đại biểu và ngoài Đảng có 01 đại biểu, chiếm 3,44%.

Căn cứ vào số đại biểu ứng cử tại các địa phương, HĐND tỉnh đã thành lập 05

Tổ đại biểu HĐND. Với nhiệm vụ là phối hợp với Thường trực HĐND và UBND địa phương để giúp đại biểu tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và tham gia đóng góp ý kiến vào các báo cáo trình kỳ họp, đồng thời phối hợp giám sát, giải quyết kiến nghị của cử tri.

Về tổ chức bộ máy: Thường trực HĐND tỉnh gồm có 03 người: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực. Các ban HĐND tỉnh gồm có 04 ban: Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - xã hội, Ban Pháp chế, Ban Dân tộc. Mỗi Ban gồm 07 hành viên. Các Trưởng, Phó Trưởng ban hoạt động theo chế độ chuyên trách; các thành viên còn lại hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Nhìn chung, nhiệm kỳ 2011 - 2016 đại biểu HĐND tỉnh Quảng Nam được nhân dân địa phương tin nhiệm bầu bảo đảm về số lượng, về cơ cấu. Chất lượng đại biểu HĐND đã được nâng lên và có sự đồng đều về trình độ chuyên môn so với các nhiệm kỳ trước; đa số các đại biểu HĐND đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, được nhân dân tin cậy. Nhiều đại biểu HĐND đã nêu cao tinh thần trách nhiệm là người đại diện của nhân dân, tích cực học tập, nghiên cứu, đổi mới phương pháp làm việc, không ngừng nâng cao chất lượng thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Đã tham gia vào việc cụ thể hóa chủ trương của cấp ủy, ra quyết định đúng đắn về quy hoạch và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đại biểu HĐND cũng đã phát huy vai trò tích cực của mình trong hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, nhiều đại biểu đã phát hiện những vấn đề nổi cộm, bức xúc ở địa phương, từ đó có ý kiến chất vấn với các cơ quan liên quan hoặc kiến nghị với Thường trực HĐND, các ban HĐND để tổ chức các đoàn giám sát, nhằm làm rõ trách nhiệm và đề xuất các giải pháp khắc phục. Nhiều đại biểu đã kiên trì đeo bám vấn đề đã chất vấn, kiến nghị đến khi có kết quả, thể hiện bản lĩnh, tâm huyết trong hoạt động dân cử. Trong đó, các đại biểu là Thường trực HĐND, các đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách, Tổ trưởng Tổ đại biểu và các đại biểu là Trưởng, Phó, thành viên các ban HĐND đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, đóng góp tích cực cho hoạt động của HĐND. Cử tri ngày càng tin tưởng vào HĐND, bởi cơ quan dân cử, các đại biểu dân cử đã nói lên tiếng nói của người dân, lấy lợi ích của nhân dân làm cơ sở để ban hành các quyết sách "Từ đó mà vai trò, vị

*thế của HĐND trong hệ thống chính trị ở địa phương ngày càng được khẳng định và tăng cường". [16]*

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực như trên, cũng cần nhìn nhận khách quan hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh vẫn còn một số bất cập, hạn chế nhất định đó là: Số lượng đại biểu HĐND chuyên trách chiếm tỉ lệ quá khiêm tốn so với tổng số đại biểu; phần lớn đại biểu hoạt động kiêm nhiệm, áp lực công việc nhiều nên không thể dành nhiều thời gian cho hoạt động của cơ quan dân cử. Hơn nữa, một số đại biểu còn giữ cương vị lãnh đạo trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, do vậy khi thực thi trách nhiệm của đại biểu đôi lúc không tránh khỏi tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”. Chất lượng hoạt động của đại biểu chưa đồng đều; một số ít đại biểu trình độ năng lực còn hạn chế; một số đại biểu chưa thật sự tích cực tham gia các hoạt động của HĐND; có đại biểu chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của HĐND và của cá nhân đại biểu, e ngại, thiếu tự tin, ngại va chạm trên diễn đàn trong hoạt động giám sát, chất vấn, cũng như trong tiếp xúc cử tri... Từ đó, dẫn đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐND tỉnh bị hạn chế, còn hình thức và chưa thực chất. Ngoài ra, một số hạn chế thuộc về cơ chế, chính sách cũng ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của đại biểu và của HĐND như: chưa có quy định cụ thể đại biểu HĐND phải dành bao nhiêu thời gian trong tháng/quý cho hoạt động đại biểu dân cử; không có chế độ sinh hoạt định kỳ để nhận xét đánh giá hoạt động của Tổ đại biểu và đại biểu HĐND...

Nguyên nhân của tình trạng trên, trước hết do chúng ta chưa thực sự coi trọng tiêu chuẩn, lấy tiêu chuẩn làm chính, chưa có cơ cấu hợp lý khi thực hiện hiệp thương lựa chọn ứng cử viên để bầu cử đại biểu HĐND tỉnh. Các đại biểu HĐND tỉnh, nhất là các đại biểu là người dân tộc thiểu số hoặc đại biểu là doanh nhân năng lực hoạt động đại biểu còn hạn chế, nặng về nhiệm vụ chuyên môn ở cơ quan, chưa dành thời gian nghiên cứu chính sách, pháp luật, nghị quyết có đi vào thực tiễn cuộc sống hay không... Các đại biểu cũng không có nhiều điều kiện và thời gian tiếp cận với các nguồn thông tin cần thiết để phục vụ hoạt động. Do vậy, ít có đóng góp vào công việc của cơ quan dân cử. Trong khi đó, chưa có những quy định cụ thể về trách nhiệm cá nhân đại biểu, nội dung hoạt động của cá nhân đại biểu dân cử; chưa

có cơ chế để giám sát và đánh giá kết quả hoạt động của đại biểu. Cá nhân mỗi đại biểu lúng túng trong giải quyết mối quan hệ giữa thực hiện nhiệm vụ ở cơ quan, đơn vị mình với thực hiện nhiệm vụ đại biểu dân cử; mỗi năm tham gia một vài kỳ họp HĐND hay tiếp xúc cử tri theo định kỳ. Điều kiện để đại biểu hoạt động cũng còn hạn chế. Công tác bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND sau khi được bầu còn hạn chế, nặng về lý luận, thiếu những kinh nghiệm thực tiễn cụ thể trong hoạt động của đại biểu. Do vậy, sau tập huấn trình độ đại biểu chưa được nâng lên, hiệu quả tập huấn chưa cao.

## **2.2. Thực trạng tổ chức Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam**

### ***2.2.1. Cơ cấu bộ máy của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam***

Căn cứ Nghị quyết 545/NQ-UBTVQH12, ngày 11/12/2007 của UBTVQH, ngày 12 tháng 3 năm 2008, Thường trực HĐND tỉnh ban hành Quyết định số 05/QĐ-TTTHĐ về việc thành lập Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam trên cơ sở tách ra từ Văn phòng HĐND và UBND tỉnh. Theo đó, hiện tổng số cán bộ, công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam có 41 người. Trong đó, biên chế 28 người và hợp đồng 13 người. Bộ máy được tổ chức như sau:

- Lãnh đạo Văn phòng: Gồm Chánh văn phòng và 3 Phó chánh Văn phòng.  
Trong đó:

+ Chánh văn phòng phụ trách chung và trực tiếp phụ trách hoạt động của Phòng Công tác HĐND

+ 01 Phó chánh văn phòng phụ trách hoạt động của Phòng Công tác Quốc hội

+ 01 Phó chánh văn phòng phụ trách hoạt động của Phòng Thông tin - Dân nguyện

+ 01 Phó chánh văn phòng phụ trách hoạt động của Phòng Hành chính-Tổ chức-Quản trị.

- Các phòng chuyên môn: gồm 4 phòng

+ Phòng Công tác đại biểu Quốc hội gồm: Trưởng phòng, 01 Phó trưởng

phòng và 02 chuyên viên

+ Phòng công tác HĐND gồm: Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng và 05 chuyên viên

+ Phòng Thông tin - Dân nguyện gồm: Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng và 04 chuyên viên

+ Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị gồm: Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng 04 chuyên viên và 16 nhân viên (05 cán sự, 02 bảo vệ, 02 nhân viên tạp vụ và 7 07 lái xe)

### ***2.2.2. Các mối quan hệ của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam***

Mặc dù không phải là cơ quan hành chính thuần túy, nhưng hầu hết các hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh lại mang tính chất hành chính, do đó có rất nhiều mối quan hệ với các cơ quan của trung ương, của tỉnh, huyện và xã.

#### ***2.2.2.1. Đối với các cơ quan Trung ương:***

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thường xuyên nhận được sự hỗ trợ, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của UBTWQH, Văn phòng QH, Văn phòng Chính phủ thông qua nhiều hình thức như văn bản hướng dẫn, mở lớp tập huấn, hội nghị sơ, tổng kết rút kinh nghiệm... Cùng với đó, mỗi quý, sáu tháng và cuối năm Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đều có báo cáo hoạt động của Văn phòng về các cơ quan nói trên theo quy định. Bên cạnh đó, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh cũng thường xuyên báo cáo các hoạt động mang tính chuyên môn của Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND tỉnh như: Giám sát, tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo.

#### ***2.2.2.2. Đối với các cơ quan của tỉnh***

Để thực hiện tốt công tác tham mưu cho lãnh đạo các cơ quan nên giữa Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh - Văn phòng Tỉnh ủy - Văn phòng UBND tỉnh - Văn phòng UBNDTTQVN tỉnh có mối quan hệ rất chặt chẽ thông qua việc ký kết Quy chế phối hợp giữa các cơ quan. Theo đó, ngoài việc phối hợp với nhau trong việc chuẩn bị nội dung tham mưu và phục vụ các kỳ họp của HĐND tỉnh, công tác tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, giữa các cơ quan

còn thường xuyên thông báo cho nhau biết kết quả hoạt động của cơ quan mình theo thời gian mỗi quý 1 lần, 6 tháng và năm.

Bên cạnh có mối quan hệ công tác chặt chẽ với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng UBMTTQVN tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh cũng thường xuyên quan hệ với các sở, ngành của tỉnh để nắm bắt thông tin về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao và đặc biệt là việc thực hiện các nghị quyết của QH, HĐND tỉnh để trên cơ sở đó tham mưu cho Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh những thông tin cần thiết để tham gia phát biểu tại các kỳ họp QH, HĐND tỉnh hoặc thực hiện công tác giám sát theo quy định. Ngoài ra, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh còn mời các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh dự các hội nghị góp ý dự thảo luật, văn bản dưới luật của QH, UBTWQH và HĐND tỉnh.

#### *2.2.2.3. Đối với các địa phương*

Mặc dù không phải cấp trên, cấp dưới như các cơ quan hành chính thuần túy, nhưng với đặc thù công việc nên giữa Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và các địa phương có mối quan hệ thường xuyên. Điều đó được thể hiện qua các nội dung chính sau:

- Thường trực HĐND, Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện gửi báo cáo tình hình hoạt động hằng quý, 6 tháng, năm và kết quả các kỳ họp HĐND cấp huyện để Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tổng hợp báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến.

- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh làm đầu mối liên hệ và nhận các báo cáo thông tin của UBND cấp huyện phục vụ hoạt động giám sát của Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh.

- Phối hợp với Ban thường trực UBMTTQVN cấp huyện chuẩn bị nội dung, công tác phục vụ tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu QH và đại biểu HĐND tỉnh trên địa bàn.

- Chuyển các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân về cho UBND cấp huyện giải quyết theo thẩm quyền và thường xuyên đôn đốc đối với các cơ quan không thực hiện việc giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức các hội nghị tập huấn, giao ban với Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện để trao đổi kinh nghiệm hoạt động và giữa văn phòng hai cấp nhằm nâng cao hiệu quả công tác.

Ngoài ra, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam còn nhiều mối quan hệ với các cơ quan khác như: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND các tỉnh, thành phố; các cơ quan thông tấn báo chí và truyền thông, các hội đoàn thể.... Nhờ các mối quan hệ đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó.

### **2.3. Thực trạng hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam**

#### ***2.3.1. Những kết quả đạt được***

##### *2.3.1.1. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, đào tạo*

Năm năm qua, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thường xuyên được củng cố tổ chức bộ máy để đảm bảo tham mưu phục vụ tốt cho hoạt động của Đoàn ĐBQH, HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, đại biểu HĐND tỉnh. Trong đó, đã luân chuyển đồng chí Chánh văn phòng, bổ nhiệm 02 Phó chánh Văn phòng, 05 Trưởng phòng và 08 Phó trưởng phòng, hợp đồng thêm 12 cán bộ, nhân viên vào làm việc và thực hiện việc điều chuyển CBCC giữa các phòng để bố trí cán bộ phù hợp với chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu công việc của cơ quan. Đến thời điểm hiện tại, số lượng CBCC của Văn phòng có 41 người (chưa tính lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND và lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách). Nhìn chung, đội ngũ cán bộ công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

##### *2.3.1.2. Công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho cán bộ, công chức*

Mặc dù giai đoạn 2011-2015, tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp do khủng hoảng tài chính thế giới, suy thoái kinh tế làm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của nhân dân nói chung và của cán bộ, công chức nói riêng. Cùng với đó là sự xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền nước ta của Trung Quốc (hạ đặt trái phép dàn khoan HD981 trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam) đã tác động ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng của cán bộ, công chức cơ quan.

Nhằm ổn định và định hướng tư tưởng chính trị cho cán bộ, công chức, lãnh đạo cơ quan đã phối hợp với cấp ủy, BCH Công đoàn, Chi đoàn luôn chủ động, thường xuyên nắm sát diễn biến tư tưởng của cán bộ, công chức trong cơ quan để có các giải pháp tuyên truyền, giáo dục, định hướng tư tưởng kịp thời, phù hợp, nhất là trước những diễn biến phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tình hình tranh chấp biên đảo xảy ra trong thời gian qua. Đã coi trọng đổi mới cả về nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền, giáo dục phù hợp với thực tiễn hoạt động của cơ quan. Chỉ đạo triển khai kịp thời, nghiêm túc việc học tập, quán triệt, tuyên truyền nghị quyết của Đảng, văn bản pháp luật của nhà nước bằng nhiều hình thức phù hợp, thiết thực. Tăng cường thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan. Tăng cường việc đẩy mạnh đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, các tư tưởng tiêu cực không để ảnh hưởng đến cán bộ, công chức cơ quan.

Nhìn chung, tất cả cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đều giữ vững lập trường chính trị; kiên định chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong suy nghĩ cũng như hành động.

#### *2.3.1.3. Công tác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn*

Sau khi được ổn định về tổ chức và từng bước được tăng cường về nhân sự cũng như cơ sở vật chất, chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu, phục vụ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam không ngừng được nâng lên theo thời gian và đã đạt được những kết quả quan trọng. Cụ thể như sau:

#### *Công tác tham mưu, phục vụ Đoàn ĐBQH:*

Công tác xây dựng pháp luật: Căn cứ Nghị quyết về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ 2011-2016 và hằng năm của Quốc hội, Văn phòng đã tham mưu Đoàn ĐBQH tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến góp ý xây dựng các dự án luật, bộ luật bằng nhiều hình thức khác nhau, chú trọng đến các đối tượng chịu tác động trực tiếp của các dự án luật. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Văn phòng đã tham mưu Đoàn ĐBQH tỉnh tổ chức 57 cuộc hội nghị, hội thảo, tiếp xúc cử tri chuyên đề lấy ý kiến góp ý các dự án luật; gửi văn bản đề nghị các cơ quan,

đơn vị góp ý 98 dự án luật, nhiều vấn đề cụ thể của từng dự án luật được gửi lấy ý kiến của các chuyên gia, người có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.

Bên cạnh đó, tại các kỳ họp Quốc hội, Văn phòng cũng tích cực tham mưu nội dung để các đại biểu thuộc Đoàn ĐBQH tỉnh tham gia thảo luận với những kiến nghị xác đáng, góp ý vào nhiều dự án luật, được Chủ tọa Kỳ họp, Ban Thư Ký đánh giá cao. Qua đó, đã tham mưu hàng trăm ý kiến để đại biểu tham gia biểu quyết thông qua 102 luật, bộ luật và 68 Nghị quyết.

Về tham mưu quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước: Để đại biểu có cơ sở tham gia thảo luận, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước sát đúng với tình hình thực tế và đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, Văn phòng đã tham mưu Đoàn ĐBQH tỉnh tổ chức nhiều hoạt động như giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri, làm việc với UBND tỉnh và các sở, ngành, HĐND, UBND các địa phương, đặc biệt là lắng nghe những ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri và nhân dân. Theo đó, nhiệm kỳ Quốc hội 2011-2016, Văn phòng đã tham mưu để Đoàn ĐBQH tỉnh tổ chức 21 cuộc giám sát, khảo sát chuyên đề. Qua đó đề xuất 308 kiến nghị sau giám sát, khảo sát (Bảng 2.1).

Cùng với đó, tại các kỳ họp Quốc hội, Văn phòng tham mưu nhiều nội dung để đại biểu Quốc hội tích cực tham gia thảo luận và đưa ra nhiều kiến nghị, đề xuất đối với những vấn đề quan trọng được Quốc hội xem xét thông qua, như: Góp ý đề án tái cơ cấu nền kinh tế; bổ sung các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, tập trung giải quyết nợ xấu, kiểm soát nợ công; quy hoạch phát triển thủy điện và chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng tái định cư các dự án thủy điện; thực trạng và chính sách giảm nghèo bền vững; chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu Quốc gia; đầu tư phát triển các công trình giao thông...

Tham mưu chất vấn tại các kỳ họp Quốc hội và các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Từ đầu nhiệm kỳ đến nay Văn phòng đã tham mưu để các đại biểu thuộc Đoàn ĐBQH tỉnh tham gia 17 lượt chất vấn trực tiếp, 15 lượt chất vấn bằng văn bản tại các kỳ họp Quốc hội đối với Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ về nhiều nội dung như: Tỷ giá, tín dụng của hệ thống ngân hàng

thương mại; quản lý nhà nước đối với giá xăng dầu, mua bán điện và kết quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước; vấn đề nợ thuế của các công ty khai thác vàng trên địa bàn tỉnh; sự cố rò rỉ nước, động đất, công tác tái định cư tại công trình thủy điện Sông Tranh 2 và những vấn đề liên quan đến quản lý quy hoạch, chất lượng xây dựng, điều tiết xả lũ liên hồ chứa các công trình thủy điện; tình trạng ngập sâu trong mùa mưa lũ do các tuyến đường tránh trên của Quốc lộ 1A, đoạn đi qua Quảng Nam; vấn đề tích hợp môn Lịch sử vào các môn học khác...

Tham mưu, phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri: Trong nhiệm kỳ QH khóa XIII, Văn phòng đã tham mưu kế hoạch và tổ chức phục vụ đề Đoàn ĐBQH tỉnh đã tổ chức 20 đợt tiếp xúc cử tri định kỳ trước và sau mỗi kỳ họp tại 195 điểm trên địa bàn tỉnh, với khoảng trên 35.190 lượt cử tri tham dự. Qua các đợt tiếp xúc cử tri, Đoàn ĐBQH tỉnh đã tổng hợp 785 ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến các cơ quan, tổ chức liên quan theo thẩm quyền để xem xét giải quyết. Những vấn đề bức xúc, cấp bách, Đoàn ĐBQH tỉnh ban hành văn bản riêng gửi đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền ở trung ương và địa phương để kịp thời xử lý, giải quyết. Nhiều ý kiến, kiến nghị xác đáng của cử tri được đại biểu Quốc hội ghi nhận và trực tiếp phát biểu tại các diễn đàn Quốc hội.

Tham mưu, phục vụ công tác tiếp công dân, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo:

Văn phòng tham mưu, phục vụ Đoàn ĐBQH tỉnh tổ chức 50 đợt tiếp công dân, tiếp 388 lượt công dân đến phản ánh, kiến nghị và gửi đơn, thư khiếu nại, tố cáo.

Tiếp nhận 681 đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; trong đó tham mưu văn bản chuyên 348 đơn, thư (chiếm 51,1%) đủ điều kiện đến các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền để xem xét, giải quyết; ban hành 45 văn bản (chiếm 6,61%) trả lời hoặc hướng dẫn công dân bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh nội dung khiếu nại, tố cáo và gửi đến đúng cơ quan hoặc người có thẩm quyền để xem xét, giải quyết. Đối với những đơn, thư còn lại phần lớn không rõ địa chỉ, nội dung không rõ ràng, nặc danh, gửi trùng lặp hoặc đã quá thời hiệu, thời hạn giải quyết... nên không đủ điều kiện để xử lý và xếp lưu trữ.

*Công tác tham mưu, phục vụ HĐND tỉnh:*

Công tác giám sát, khảo sát: Vào đầu mỗi năm công tác, Văn phòng đã tham mưu

xây dựng chương trình công tác từng quý, 6 tháng và cả năm của Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh. Nhờ đó, chủ động được về thời gian nên khi triển khai thực hiện thuận lợi và đạt kết quả cao. Trên cơ sở nắm bắt thông tin, Văn phòng tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức các cuộc giám sát, khảo sát chuyên đề đối với những vấn đề bức xúc, được dư luận quan tâm nhiều. Nhiệm kỳ 2011-2016, Văn phòng đã tham mưu Thường trực HĐND và các Ban HĐND tỉnh tổ chức: 558 cuộc giám sát, khảo sát. Trong đó, Thường trực HĐND: 71 cuộc, Ban Kinh tế-Ngân sách: 120 cuộc, Ban Văn hóa-Xã hội: 134 cuộc, Ban Pháp chế: 105 cuộc, Ban Dân tộc: 98 cuộc.

Sau giám sát, Văn phòng tham mưu các báo cáo kết luận giám sát, báo cáo thẩm tra với nhiều nội dung kiến nghị, đề xuất sát thực tế, nhất là những nội dung giám sát chuyên đề được đưa vào các báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh để đưa ra thảo luận, xem xét quyết định tại các kỳ họp HĐND tỉnh.

Công tác tham mưu, phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh:

Xác định được tầm quan trọng của kỳ họp HĐND tỉnh, Văn phòng tập trung dồn lực cho công tác tham mưu, phục vụ để tổ chức thành công 16 kỳ họp thường kỳ, chuyên đề và bất thường.

Trước các kỳ họp, Văn phòng đã xây dựng kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng, từng cá nhân phụ trách công việc nhằm đảm bảo tiến độ thời gian, chất lượng tham mưu và thường xuyên đôn đốc các cơ quan liên quan chuẩn bị các nội dung, in ấn tài liệu phục vụ kỳ họp.

Công tác tham mưu các báo cáo phục vụ kỳ họp được thực hiện bài bản, công phu, có chất lượng và đúng tiến độ. Trong nhiệm kỳ qua, đã tham mưu 236 báo cáo thẩm tra, 10 báo cáo về tình hình hoạt động của HĐND tỉnh, 24 báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri và một số báo cáo liên quan khác trình HĐND tỉnh, làm cơ sở để các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng.

Các hoạt động tham mưu tại các kỳ họp được Văn phòng thực hiện kịp thời, đảm bảo chất lượng như: Tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết, đề xuất những nội dung tiếp thu, ý kiến giải trình lại; tổng hợp ý kiến thảo luận tổ; các nội dung đề đại biểu HĐND tỉnh thực hiện quyền chất vấn... được chủ tọa kỳ họp và đại biểu đánh giá cao. Nhiệm kỳ 2011-2016, Văn phòng đã tham mưu để HĐND tỉnh thông

qua 204 dự thảo nghị quyết.

Công tác hậu cần, phục vụ được thực hiện chu đáo, kịp thời đã góp phần làm cho các kỳ họp thành công tốt đẹp.

Công tác tiếp dân, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân:

Tham mưu, phục vụ Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh tổ chức 81 ngày tiếp công dân tại trụ sở Tiếp công dân tỉnh, với trên 440 lượt công dân đến kiến nghị, phản ánh (trong đó có 16 đoàn đông người). Tiếp nhận 1.165 đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân. Đã phân loại, tham mưu xử lý 619 đơn thư các loại (Bảng 2.4).

Công tác thông tin, truyền thông:

Tiếp tục nghiên cứu cải tiến, nâng cấp chất lượng trang thông tin điện tử, Bản tin Diễn đàn Nhân dân Quảng Nam, chuyên mục Đại biểu dân cử với cử tri. từ năm 2010-2015 đã phát hành 34 số bản tin Diễn đàn Nhân dân Quảng Nam; phối hợp với Đài PT-TH tỉnh xây dựng và phát sóng 60 chuyên mục Đại biểu dân cử với cử tri, 06 chương trình khách mời trường quay với nhiều chủ đề phong phú. Nhìn chung, chất lượng các chuyên mục Đại biểu dân cử với cử tri và Bản tin được nâng lên, thu hút đông đảo độc giả quan tâm. Thường xuyên, kịp thời cập nhật tin, bài hình ảnh lên website để phản ánh hoạt động của Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND các cấp và những thông tin kinh tế - xã hội nổi bật. Trung bình có khoảng 500 lượt truy cập/ngày, đến nay đã có hơn 153.307 lượt người truy cập website của cơ quan.

Nâng cấp phần mềm Quản lý hồ sơ công việc (Q.Office); các phần mềm hỗ trợ công việc như E.Office (gửi nhận văn bản của Quốc hội), phần mềm quản lý CBCC, phần mềm chuyên ngành kế toán Misa... giúp việc quản lý nhân sự, tài chính ngày càng hiệu quả, nhanh chóng, chính xác; ứng dụng phần mềm giới hạn thời gian phát biểu tại kỳ họp HĐND tỉnh giúp chủ tọa điều hành các phiên họp đảm bảo thời gian, kế hoạch đề ra ; nâng cấp Cổng thông tin điện tử, cải tiến công nghệ để tăng tốc độ truy cập và tích hợp nhiều ứng dụng, tiện ích trên website để phục vụ các nhiệm vụ chuyên môn.

Quản lý và duy trì kết nối hệ thống truyền hình trực tuyến, phục vụ tốt các phiên họp trực tuyến của Đoàn ĐBQH và Thường trực HĐND tỉnh. Phối hợp với

đơn vị liên quan triển khai hoàn thiện mở rộng hệ thống mạng Chính phủ, đến nay đã đưa vào sử dụng.

Bên cạnh việc tham mưu, phục vụ các hoạt động chuyên môn cơ bản như đã nêu trên, Văn phòng còn tham mưu, phục vụ nhiều hoạt động khác của lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh như: Hội nghị đại biểu Quốc hội chuyên trách, các hội nghị, hội thảo do các cơ quan trung ương tổ chức, hội nghị giao ban Thường trực HĐND các tỉnh, thành phố khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên; đón tiếp các đoàn khách quốc tế, Trung ương hoặc tỉnh bạn đến thăm và làm việc...

### ***2.3.2. Những hạn chế, vướng mắc***

Thời gian qua, bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được như đã nêu trên, trong quá trình hoạt động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam cũng gặp phải rất nhiều khó khăn, vướng mắc làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả công tác, đó là:

*Một là, Về tổ chức bộ máy, nhân sự:*

Việc tổ chức Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh thành 4 phòng như quy định của Nghị quyết 545 tuy có những thuận lợi trong việc tập hợp đầu mối công việc vào từng phòng chuyên môn. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ giữa các bộ phận tham mưu lại có sự chòng chéo về chức năng nhiệm vụ, như việc tham mưu xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo được giao cho Phòng Thông tin - Dân nguyện, nhưng Phòng Công tác Quốc hội, và Phòng Công tác HĐND lại được giao nhiệm vụ tham mưu trực tiếp các nội dung liên quan đến công tác giám sát cho lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND và các Ban nên thường dẫm chân nhau trong việc tham mưu xử lý các nội dung liên quan đến khiếu nại, tố cáo. Bên cạnh đó, Phòng Thông tin - Dân nguyện được giao nhiệm vụ trong việc tổng hợp các báo cáo phục vụ các cuộc họp giao ban của Thường trực HĐND, nhưng lại không trực tiếp tham mưu cho lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND và các Ban nên phải phụ thuộc vào việc chuyển thông tin của Phòng Công tác Quốc hội và Công tác HĐND nên có khi bị chậm trễ trong việc tổng hợp thông tin.

Số lượng cán bộ, công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

Quảng Nam tuy khá nhiều (41 người) nhưng số lượng biên chế được định biên quá thấp (28 người) còn lại là cán bộ, nhân viên hợp đồng. So với các cơ quan có cùng chức năng tham mưu, phục vụ của tỉnh như Văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng UBND tỉnh thì số lượng cán bộ công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chỉ bằng  $\frac{1}{2}$  (Văn phòng Tỉnh ủy có 76 cán bộ, công chức, Văn phòng UBND tỉnh có 82 cán bộ, công chức và 21 viên chức). Do có số lượng nhân viên hợp đồng nhiều nên các chế độ cho họ rất thấp hoặc không có nên ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của họ, do đó ít nhiều ảnh hưởng đến tâm lý và hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, khối lượng công việc nhiều, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhưng biên chế ít nên gặp khó khăn trong quản lý, điều hành công tác.

Môi trường làm việc có phần "**đóng khung**" theo quy định của pháp luật và các chế độ đãi ngộ dành cho cán bộ, công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh hầu như không có nên việc thu hút cán bộ giỏi về công tác tại Văn phòng rất khó khăn, trong khi đó, công tác giám sát, quyết định của Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân ngày càng đòi hỏi chuyên viên giúp việc tuy chuyên sâu một lĩnh vực, nhưng phải am hiểu nhiều lĩnh vực khác nữa để tham mưu, giúp việc hiệu quả. Chính vì điều đó mà trong những năm qua, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam hầu như chỉ đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức cơ quan mà không thu hút được cán bộ có chuyên môn cao ở ngoài cơ quan vào làm việc.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cũng không đồng đều. Tuy về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị phần lớn đều đạt chuẩn theo quy định, nhưng có quá nửa trong số đó lại được đào tạo về chuyên ngành kinh tế và 1/3 trong số cán bộ, công chức được đào tạo theo hình thức tại chức hoặc từ xa. Vì vậy, trong công tác bố trí cán bộ, công tác tham mưu gặp những khó khăn nhất định, nhất là trên lĩnh vực liên quan đến góp ý dự án luật, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo. Bên cạnh đó, một số cán bộ công chức chưa thể hiện hết tinh thần trách nhiệm trước nhiệm vụ được giao; chưa chịu khó nghiên cứu, học hỏi và chấp hành không nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính nên phần nào cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác của cơ quan.

*Hai là*, việc theo dõi, đôn đốc kết quả giải quyết các kiến nghị sau giám sát,

các ý kiến, kiến nghị của cử tri sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh có lúc còn hạn chế; việc kết nối mạng nội bộ Văn phòng được xây dựng khá đầy đủ, nhưng việc khai thác để phục vụ công tác quản lý, điều hành công việc vẫn còn gặp khó khăn do thiếu kỹ thuật giỏi, cơ sở vật chất chưa đồng bộ. Trụ sở làm việc bố trí ở hai nơi cũng gặp nhiều khó khăn trong quản lý, điều hành của lãnh đạo Văn phòng (đến cuối năm 2013 mới tập trung về một nơi).

*Ba là*, bản thân Văn phòng đã là cơ quan quản lý lại phải tham mưu và tổ chức phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh với 11 cán bộ lãnh đạo hoạt động chuyên trách và 03 lãnh đạo Văn phòng, nhưng số đầu xe chỉ được bố trí rất ít, nên nhiều lúc rất khó khăn trong công tác phục vụ, nhất là trong các đợt giám sát và tiếp xúc cử tri.

*Bốn là*, về cơ sở vật chất, kinh phí:

Trụ sở làm việc tuy được đầu tư khá khang trang, nhưng số lượng phòng làm việc dành cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh rất hạn chế. Từ cấp Phó trưởng phòng trở xuống phải ngồi ghép từ 2-3 người, thậm chí có phòng lên đến 4-5 người ngồi chung. Do đó làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả công tác chuyên môn.

Số lượng xe ô tô phục vụ công tác của Văn phòng hiện có 7 đầu xe. Xét về số lượng thì đảm bảo phục vụ công tác của lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh. Tuy nhiên, do 04 xe đã sử dụng trên 15 năm, đã xuống cấp và thường xuyên hư hỏng nên không thể đi xa hoặc đi miền núi, nên Văn phòng thường bị động trong việc bố trí xe phục vụ các chuyến công tác xa hoặc đi miền núi của lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh.

Nguồn kinh phí được cấp phục vụ cho hoạt động của Văn phòng hằng năm quá ít (cả nguồn cho bộ phận phục vụ QH và bộ phận phục vụ HĐND tỉnh) hằng năm chỉ xấp xỉ 3 tỷ đồng. Trong khi đó, việc chi tiêu phục vụ cho các hoạt động không ngừng tăng lên do vật giá leo thang và nhu cầu mở rộng các hoạt động. Mặc dù vậy, các cơ quan có thẩm quyền vẫn không xem xét tăng mức kinh phí hoạt động cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, do đó việc triển khai thực hiện các hoạt động gặp nhiều khó khăn trong việc cử cán bộ công chức đi đào tạo chuyên

môn nghiệp vụ ở ngoài tỉnh hoặc mở các lớp tập huấn cho Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện; hạn chế việc tổ chức các hội nghị giao ban với các cơ quan khác; hạn chế các hoạt động đối ngoại với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND các tỉnh bạn; không có kinh phí để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức để đảm bảo đời sống....

*Năm là*, do không xác định được vị trí pháp lý cụ thể nên khi xếp khối thi đua Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh không được xếp cố định ở các khối mà hay có sự thay đổi, điều đó làm cho Văn phòng gặp rất nhiều bất lợi trong việc chấm điểm. Bên cạnh đó, do không nằm trong hệ thống cơ quan hành chính đơn thuần nên bị trừ rất nhiều điểm thi đua ở các hạng mục, như cải cách hành chính, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008... Chính vì vậy vị thứ thi đua của văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thường không cao, gây ảnh hưởng đến tâm lý của cán bộ, công chức cơ quan, từ đó làm giảm sút ý chí phấn đấu, thi đua của cán bộ, công chức cơ quan.

## **2.4. Đánh giá chung về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam**

### ***2.4.1. Ưu điểm và nguyên nhân***

#### ***2.4.1.1. Ưu điểm***

Trên cơ sở cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ được giao, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam đã quy định về cơ chế hoạt động, mối quan hệ công tác, tạo sự chủ động tích cực cho cán bộ, chuyên viên, sự gắn bó chặt chẽ và thường xuyên giữa các phòng và giữa các cá nhân, đã có sự phân định trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể... Nhìn chung, Văn phòng đã thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp việc cho Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đúng với quy định tại Nghị quyết số 545/2007/UBTVQH12, ngày 11/12/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Công tác tham mưu, phục vụ hoạt động khảo sát, giám sát, tiếp xúc cử tri, tổ chức kỳ họp... được thực hiện tốt. Công tác phục vụ Đoàn ĐBQH và Thường trực HĐND trong hoạt động tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo được tiến hành thường xuyên. Cơ sở vật chất, kinh phí, hành chính, văn thư, lưu

trữ được đảm bảo, cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

Các cán bộ, chuyên viên ở các phòng tham mưu, giúp việc theo lĩnh vực được phân công, đồng thời chịu sự chỉ đạo, điều hành của các đồng chí Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban (chuyên trách) và các đồng chí lãnh đạo Văn phòng. Do vậy, những công việc của Thường trực, các Ban và lãnh đạo Văn phòng luôn được tham mưu, phục vụ kịp thời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

#### *2.4.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm*

##### *Nguyên nhân khách quan:*

Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 545 về thành lập Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh, từ đó đã chấm dứt được sự thường xuyên thay đổi, xáo trộn của Văn phòng Đoàn ĐBQH và Văn phòng HĐND tỉnh; đã xác lập được vị trí cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, kịp thời động viên cán bộ, công chức của hai văn phòng ổn định tư tưởng, yên tâm công tác.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trực tiếp tham mưu, phục vụ cho lãnh đạo Đoàn ĐBQH và Thường trực HĐND tỉnh nên đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện của lãnh đạo trong các mặt công tác của Văn phòng như: Chỉ đạo sâu sát về chuyên môn, truyền đạt nhiều kinh nghiệm hay, cung cấp nhiều thông tin bổ ích phục vụ công tác; thường xuyên chú trọng bổ sung, biên chế, chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, tăng cường cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện, điều kiện hoạt động cho Văn phòng.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ từ Văn phòng quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ban Công tác ĐBQH, Ban Dân nguyện... để kịp thời áp dụng vào các hoạt động của mình, làm cho hiệu quả công tác ngày càng cao hơn.

##### *Nguyên nhân chủ quan:*

Số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh không ngừng được tăng cường theo thời gian nên cơ bản đáp ứng được yêu cầu công tác.

Đa số cán bộ, công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có tuổi

đòi còn trẻ nên rất hăng say với công việc; tinh thần tự giác học tập chuyên môn nghiệp vụ, trao dồi phẩm chất đạo đức, chính trị rất cao nên đa số trưởng thành rất nhanh, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của cơ quan. Bên cạnh đó, đa số cán bộ, công chức có ý thức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, có tinh thần đoàn kết, phối hợp với nhau trong công việc để cùng giúp nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

#### ***2.4.2. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân***

##### ***2.4.2.1. Hạn chế, bất cập***

Thực hiện Nghị quyết 545 của UBTWQH, tỉnh Quảng Nam đã thành lập Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND trên cơ sở hợp nhất Văn phòng Đoàn ĐBQH và Văn phòng HĐND. Qua 8 năm hoạt động, bên cạnh những thuận lợi như đã nêu trên, mô hình này đã gặp phải không ít khó khăn, vướng mắc. Chẳng hạn, Văn phòng chung cùng lúc phải chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của khá nhiều chủ thể: Lãnh đạo Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, lãnh đạo các ban HĐND nên có lúc tỏ ra lúng túng, bị động trong vấn đề bố trí cán bộ tham mưu cũng như bố trí phương tiện phục vụ công tác; chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ phận tham mưu, phục vụ có lúc còn chồng chéo, nhất là trong công tác tham mưu tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo cùng lúc được giao cho phòng Công tác ĐBQH (tham mưu cho Đoàn ĐBQH) và Phòng Thông tin-Dân nguyện (tham mưu cho TTHĐND và các Ban HĐND tỉnh); việc điều hành kinh phí hoạt động có lúc gặp một số trở ngại do cùng lúc có hai nguồn là của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, nhất là khi chi cho các hoạt động chung; chế độ cho cán bộ, công chức của hai bộ phận phục vụ Đoàn ĐBQH và HĐND cũng khác nhau ( ngoài lương và các khoản phụ cấp, bộ phận phục vụ Đoàn ĐBQH có thêm tiền ăn trưa, tiền trang phục...) dẫn đến sự so bì trong cán bộ, công chức cơ quan...

##### ***2.4.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập***

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập trong tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trong thời gian qua. Có thể đưa ra một số nguyên nhân cơ bản, điển hình như sau:

*Thứ nhất*, mặc dù đã được Nghị quyết 545 quy định: Văn phòng Đoàn ĐBQH

và HĐND là cơ quan tham mưu, phục vụ của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, nhưng lại chưa quy định cụ thể nó thuộc loại cơ quan nào, do cấp nào quản lý... Vì vậy, địa vị pháp lý của Văn phòng chung hiện nay chưa rõ ràng, cơ quan cấp trên của Văn phòng này là ai? Không như hệ thống Văn phòng UBND hay Văn phòng cấp ủy có hệ thống trên dưới rõ ràng, có sự ràng buộc và sự tương tác qua lại giữa cấp trên và cấp dưới. Mặt khác, do nội dung, tính chất, phạm vi hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND khác nhau, khi thực hiện nhiệm vụ cho chủ thể nào lại do lãnh đạo của chủ thể đó trực tiếp chỉ đạo, điều hành làm mất đi sự chủ động, sáng tạo của lãnh đạo Văn phòng, nhiều khi lãnh đạo Văn phòng bị động ứng phó theo từng tình huống cụ thể. Ngoài ra, mục đích sáp nhập để giảm biên chế, tinh gọn bộ máy cũng không đạt được khi tại hầu hết các địa phương, quy mô của văn phòng HĐND-Đoàn ĐBQH lớn hơn hai văn phòng trước kia.

*Thứ hai*, Văn phòng có 2 nguồn kinh phí hoạt động, một số chế độ quy định hỗ trợ, phục vụ hoạt động khác nhau. Do vậy dễ gây tâm lý so sánh, khó thống nhất trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, nhất là những nhiệm vụ cần phối hợp trong Văn phòng. Điều 4 Nghị quyết 545 quy định “Kinh phí hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND nằm trong kinh phí hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND”. Do vậy, hiện nay Văn phòng được cấp hai nguồn kinh phí hoạt động. Trong đó, bộ phận công chức và người lao động phục vụ hoạt động của HĐND được thụ hưởng từ nguồn ngân sách địa phương, do HĐND phân bổ; bộ phận công chức và người lao động phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH được thụ hưởng từ nguồn kinh phí Trung ương cấp, do VPQH giao dự toán và áp dụng chế độ tự chủ. Xuất phát từ hai nguồn kinh phí này, nhiều địa phương bố trí hai chủ tài khoản, hai kế toán, hai thủ quỹ nên không những khó khăn trong điều hành công tác chuyên môn, mà còn vướng trong tổ chức hoạt động.

*Thứ ba*, Phòng Hành chính-Tổ chức-Quản trị, tuy là một phòng song có 2 bộ phận: Một bộ phận phục vụ cho HĐND tỉnh và một bộ phận phục vụ Đoàn ĐBQH tỉnh. Vì vậy ảnh hưởng đến sự nắm bắt, phân công nhiệm vụ, thống nhất trong phòng, nhất là khi Văn phòng có những nhiệm vụ lớn cần triển khai thực hiện.

*Thứ tư*, biên chế của Văn phòng nhìn chung còn ít; chất lượng công chức, viên

chức chưa ngang tầm với vị trí, nhiệm vụ của Văn phòng, chất lượng công việc đôi khi chưa được cao.

*Thứ sáu*, qua thực tế hoạt động, nhiều mặt tỏ ra chưa hợp lý; sự chỉ đạo chung từ cấp trên còn hạn chế và chưa kịp thời, dẫn đến không thống nhất giữa các Văn phòng trong cả nước, kể cả số lượng phòng, tên gọi của phòng và chức năng, nhiệm vụ các phòng.

*Thứ bảy*, mối quan hệ công tác, sự chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của các cơ quan Trung ương, của Văn phòng cấp trên đối với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND các tỉnh, thành phố còn mờ nhạt, không có quy định rõ ràng, nhất là quan hệ với Văn phòng Quốc hội - có nhiều việc vẫn làm và thực tế rất cần chỉ đạo, mở rộng, nâng cao nhưng chưa được chú ý, quan tâm.

### **2.4.3. Một số kinh nghiệm**

Từ công tác tổ chức và những kết quả hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam trong thời gian qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

*Thứ nhất*, để Văn phòng hoạt động có chất lượng, hiệu quả trước hết phải có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, lãnh đạo Đoàn Đại biểu Quốc hội trong các mặt công tác của Văn phòng như: Tổ chức, biên chế, cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện, điều kiện hoạt động.

*Thứ hai*, xây dựng bộ máy Văn phòng đủ mạnh, có cơ cấu tổ chức hợp lý; bố trí cán bộ đủ tiêu chuẩn, năng lực, đủ tâm, đủ tầm để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Công tác quy hoạch, đào tạo, luân chuyển cán bộ phải được xem trọng và thực hiện thường xuyên; việc đề bạt, bổ nhiệm phải đúng người, đúng việc, nếu làm tốt công tác này sẽ là động lực rất lớn để kích thích, động viên CBCC phấn đấu, rèn luyện. Bộ máy tổ chức của Văn phòng cần bố trí đủ các chức danh theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Do vậy, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu là điều kiện tiên quyết để bộ máy Văn phòng hoạt động hiệu quả. Chánh Văn phòng là đầu mối tiếp nhận sự chỉ đạo từ Trưởng, Phó trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân và là người triển khai thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng. Các Phó Chánh Văn phòng phải am hiểu sâu lĩnh vực phụ trách để mỗi công

việc cụ thể đều có người lãnh đạo, giao việc gắn với đôn đốc, kiểm tra nhằm tăng tính chủ động, sáng tạo, khả năng tham mưu, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức. Việc phân công cán bộ phải đúng người, đúng việc, đúng năng lực, tạo điều kiện để cán bộ, công chức chuyên sâu một số việc, nhưng biết nhiều việc để kịp thời bảo đảm cả những công việc khác khi có yêu cầu.

*Thứ ba*, trong mọi hoạt động của Văn phòng đều phải được thực hiện đúng theo Quy chế làm việc đã được ban hành và giải quyết công việc theo đúng quy trình và trách nhiệm được giao đối với mỗi cán bộ, công chức trong cơ quan. Tăng cường mối quan hệ phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan trên tất cả các mặt công tác để tham mưu, phục vụ các hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực, các Ban và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

*Thứ tư*, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở, hỗ trợ CBCC gặp khó khăn khi thực thi nhiệm vụ; kịp thời biểu dương và khen thưởng đột xuất, định kỳ đối với những người có thành tích xuất sắc trong công tác; phê bình, kiểm điểm nghiêm khắc đối với những người không hoàn thành nhiệm vụ. CBCC Văn phòng phải chấp hành đúng và đầy đủ Nội quy, Quy chế đã ban hành; xây dựng và phát huy tốt tinh thần đoàn kết nội bộ mà lãnh đạo Văn phòng chính là đầu tàu trong thực hiện và nêu gương.

*Thứ năm*, phải trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện cần thiết để đáp ứng tốt yêu cầu công tác. Cần quan tâm hơn về đời sống vật chất, tinh thần của CBCC trong cơ quan; thực hiện tốt các chế độ chính sách cho cán bộ công chức, phải đảm bảo tính công bằng, phù hợp để tránh tâm lý so bì, giữa các bộ phận trong cùng một Văn phòng, nhất là cán bộ trực tiếp phục vụ Đoàn ĐBQH và cán bộ trực tiếp phục vụ HĐND.

*Thứ sáu*, có sự phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND Tỉnh và các cơ quan có liên quan khác trên tất cả các mặt công tác, thì việc tham mưu, phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân đảm bảo tính kịp thời, chính xác, hiệu quả.

## **Kết luận Chương 2**

Chương này đã phân tích, đánh giá và mô tả một cách cụ thể thực trạng công tác tổ chức, hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam

trong thời gian qua. Theo đó, ta có thể thấy trong những năm qua, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác tham mưu, phục vụ cho Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh. Tuy nhiên, xét một cách toàn diện, trong công tác tổ chức còn những bất hợp lý và hoạt động chưa thực sự mang lại hiệu quả như mong muốn, nhất là trong tình hình nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao hơn về nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, HĐND tỉnh.

Từ những kết quả thu được ở chương này sẽ là căn cứ để tác giả đưa ra những giải pháp góp phần hoàn thiện công tác tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam ở Chương 3.

## CHƯƠNG 3

# NHU CẦU, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỰ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NAM

### 3.1. Nhu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Việt Nam hiện nay

#### *3.1.1. Nhu cầu phát huy dân chủ, đảm bảo tính đại diện của Quốc hội và Hội đồng nhân dân*

Với mục tiêu xây dựng nhà nước Công hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Bên cạnh đó, chúng ta đang sống trong thời đại hội nhập sâu rộng về mọi mặt với quốc tế và khu vực, vì thế việc phát huy dân chủ và bảo đảm tính đại diện của các dân cử trong thờ điểm hiện tại và trong tương lai là hết sức quan trọng.

##### *3.1.1.1. Nhu cầu mở rộng và phát huy dân chủ của Quốc hội và HĐND các cấp*

Nhu cầu này được thể hiện qua ba nội dung chính sau:

*Thứ nhất*, phải mở rộng quyền quyền tiếp cận thông tin cho nhân dân; thực hiện việc công khai, minh bạch đối thông tin (ngoại trừ thông tin phải giữ bí mật), nhất là những thông tin liên quan đến những nội dung mà Quốc hội và HĐND các cấp sẽ thảo luận đề và quyết định để người dân biết, cùng tham gia đóng góp ý kiến. Minh chứng cho vấn đề này, có thể thấy trong thời gian qua QH, các cơ quan của QH, HĐND các cấp đã tổ chức thông tin về nội dung, kết quả các kỳ họp, phiên họp hoặc truyền hình trực tiếp, phát thanh trực tiếp để người dân theo dõi. Bên cạnh đó, còn mở các đường dây nóng, địa chỉ thư điện tử để người dân có thể cung cấp thông tin hoặc phản ánh, trao đổi, chất vấn đối với các cơ quan, người có thẩm quyền của các cơ quan nhà nước. Qua đây có thể thấy nhu cầu mở rộng và phát huy dân chủ thông qua việc công khai, minh bạch thông tin ở nước ta nói riêng và đối với các cơ quan dân cử nói riêng đã được thực hiện khá đầy đủ, nghiêm túc, đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân và phù hợp với xu thế chung của thời đại.

*Thứ hai*, Công tác bầu cử đại biểu QH, đại biểu HĐND các cấp, bầu cử các

chức danh trong bộ máy nhà nước được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định của pháp luật đã thu hút sự quan tâm tham gia bầu cử của đông đảo quần chúng nhân dân để lựa chọn ra những người thực sự xứng đáng đại diện cho quyền lợi hợp pháp, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đây chính là vấn đề có ý nghĩa to lớn trong việc phát huy dân chủ, quyền làm chủ thực sự của người dân trong việc xây dựng nhà nước, xây dựng chính quyền.

Để tiếp tục phát huy dân chủ của nhân dân về vấn đề này, thời gian qua Đảng và Nhà nước ta luôn có sự quan tâm đúng mức đến việc đổi mới công tác bầu cử, cụ thể là thường xuyên sửa đổi bổ sung các luật về bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp; luật tổ chức các cơ quan nhà nước sao cho phù hợp với tình hình thực tế.

*Thứ ba*, một vấn đề không kém phần quan trọng trong việc phát huy dân chủ, đó là đổi mới trong việc xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật. Ý thức được tầm quan trọng trong việc lấy ý kiến nhân dân để các cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật sát đúng tình hình thực tế, có tính khả thi cao và có "tuổi thọ" lâu dài, trong những năm qua Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, HĐND các cấp đã rất chú trọng đến việc tập hợp ý kiến của đông đảo tầng lớp nhân dân thông qua việc tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo lấy ý kiến góp ý vào dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết... đặc biệt, Quốc hội đã ban hành Luật Trưng cầu ý dân. Qua theo dõi, các hoạt động nay đã thu hút sự quan tâm và tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân, góp hàng triệu ý kiến bổ ích góp phần nâng cao chất lượng công tác lập pháp, lập quy của Quốc hội và HĐND các cấp; đồng thời, phù hợp với ý nguyện của nhân dân.

#### *3.1.1.2. Nhu cầu mở rộng và phát huy tính đại diện của Quốc hội và HĐND các cấp*

Quốc hội và HĐND các cấp là cơ quan bao gồm các đại biểu QH và đại biểu HĐND các cấp do cử tri bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín để thay mặt thực hiện quyền lực của mình để định đoạt các vấn đề của đất nước và của địa phương.

Như vậy, các đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp là người được nhân

dân ủy quyền đại diện cho quyền lợi hợp pháp và nguyện vọng chính đáng của họ. Điều này được thể hiện qua các hoạt động làm cho các tiếng nói, các ý kiến, các quan điểm của người dân được “hiện diện” trong quy trình hoạch định các chính sách của quốc gia hoặc địa phương. Hoạt động đại diện được diễn ra khi đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp thực hiện các hoạt động phát biểu, vận động, biểu quyết trên cơ sở thay mặt cho nhân dân trên các diễn đàn chính trị quốc gia hoặc địa phương.

Để mở rộng và phát huy tính đại diện của các cơ quan dân cử ở Trung ương (Quốc hội) và địa phương (HĐND các cấp), trong các đợt bầu cử đại Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp luôn có sự tính toán cân đối về cơ cấu, số lượng ứng cử viên đại diện cho vùng, miền, giới tính, dân tộc, tôn giáo... để có thể bầu được những đại biểu đại diện cho tiếng nói của nhiều giai tầng trong xã hội.

Cùng với đó, QH đã quy định tăng số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách của Quốc hội và HĐND các cấp (Quốc hội lên 25% và HĐND cấp tỉnh, cấp huyện lên 10% từ năm 2001 và sắp tới Quốc hội là 35%, HĐND cấp tỉnh, cấp huyện là 20%). Bên cạnh đó, Quốc hội cũng đã nhiều lần sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức HĐND, UBND (năm 2015 đổi tên gọi thành Luật Tổ chức chính quyền địa phương) nhằm mục đích quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và đồng thời tăng thêm quyền hạn, nâng cao vai trò, vị trí của Quốc hội và HĐND các cấp trong hệ thống các cơ quan nhà nước.

Trong hoạt động, tính đại diện của nhân dân được thể hiện rõ nét nhất đó là việc các đại biểu QH, đại biểu HĐND các cấp khi thực hiện chức năng của mình phải thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân, đại diện cho nhân dân để quyết định dưới dạng các đạo luật, nghị quyết có hiệu lực thực thi. Vì vậy, năng lực đại diện của mỗi đại biểu QH và HĐND các cấp là rất quan trọng trong việc bảo đảm cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân thông qua người đại diện trở thành hiện thực trong hoạt động của QH và HĐND.

Vì vậy, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của QH, HĐND các cấp theo định hướng xây dựng QH mạnh, HĐND mạnh, thực quyền của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân thực chất đó là quá trình xây dựng một thiết chế đại diện thực sự cho nhân dân.

### ***3.1.2. Nhu cầu đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân***

Về tính thống nhất: Tính thống nhất được đặt ra đối với cả hệ thống cơ quan nhà nước cũng như đối với từng loại cơ quan và từng cơ quan cụ thể. Hệ thống cơ quan nhà nước được cấu tạo nên bởi các thành tố khác nhau, cho nên để bảo đảm được tính thống nhất của các thành tố cấu tạo nên nó không được có sự mâu thuẫn, chông chéo với nhau.

Xuất phát từ quan điểm này, QH và HĐND là các bộ phận trong bộ máy nhà nước. Để bộ máy nhà nước vận hành một cách trơn tru, hiệu quả đòi hỏi các bộ phận phải hoạt động một cách nhịp nhàng, đồng bộ. Điều đó có nghĩa rằng, trong hoạt động của mình QH và HĐND phải có sự thống nhất.

*Thứ nhất*, sự thống nhất trong hoạt động của QH và HĐND được thể hiện bắt đầu từ khâu tổ chức. Theo quy định của pháp luật, Quốc hội và HĐND đều là những cơ quan do nhân dân bầu nên để thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước, thực hiện quyền lực nhân dân. Vì thế, mặc dù chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan là khác nhau, nhưng chúng nói lên rằng, quyền lực nhà nước là thống nhất, không thể chia sẻ. Bên cạnh đó, nói lên sự thống nhất về cấu trúc của quyền lực nhà nước, luôn gắn kết chặt chẽ với nhau, không đối lập, không mâu thuẫn nhau và thứ nữa, chúng có cùng mục đích chung hướng đến là phục vụ nhân dân.

*Thứ hai*, trong quá trình hoạt động, mặc dù không có văn bản quy định phân biệt cấp trên, cấp dưới một cách rạch ròi như hệ thống các cơ quan hành chính, nhưng căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền do pháp luật quy định thì HĐND phải thực hiện các văn bản do Quốc hội (kể các cơ quan của Quốc hội) ban hành; khi ban hành các văn bản không được trái với các văn bản của QH. Bên cạnh đó, định kỳ theo quy định HĐND cấp tỉnh phải báo cáo tình hình hoạt động cho QH (thông qua các cơ quan của QH hoặc Văn phòng QH). Cùng với đó, HĐND cấp dưới cũng thực hiện việc chấp hành ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của HĐND cấp trên, tuân thủ văn bản của HĐND cấp trên và thực hiện chế độ báo cáo với HĐND cấp trên.

Để đáp ứng đòi hỏi các yêu cầu trên, cần phải sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của QH và HĐND. Trên thực tế, vừa qua QH khóa XIII đã nghiên cứu sửa đổi, bổ sung rất nhiều văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung và QH, HĐND nói riêng như: Hiến pháp, Luật Tổ chức QH, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Giám sát của QH và HĐND, Luật Ban hành văn bản QPPL...

*Về đảm bảo hiệu quả hoạt động của Quốc hội và HĐND:*

Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung và QH, HĐND nói riêng luôn là vấn đề được đặt ra một cách cấp thiết, nhất là trong giai đoạn hiện nay chúng ta xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Pháp quyền XHCN. Để đạt được mục tiêu đó cần phải có các yếu tố bảo đảm sau:

Một là, đảm bảo và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với QH, HĐND. "*Trên cơ sở đó, QH và HĐND phải kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối của đảng thành các quy định của nhà nước. Ngược lại, sự lãnh đạo của đảng cũng phải nằm trong quy định của pháp luật, tạo điều kiện để QH và HĐND thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình*" [14].

Hai là, nâng cao chất lượng đại biểu QH và HĐND, tăng cường số lượng đại biểu chuyên trách. Theo đó, trên cơ sở tiêu chuẩn mà kết hợp cơ cấu đại biểu để đảm bảo tính đại diện cho các giai tầng. đồng thời, QH, HĐND phải bố trí hợp lý số đại biểu hoạt động chuyên trách, nhất là trong các cơ quan chuyên trách của mình.

Ba là, cải tiến và nâng cao chất lượng các kỳ họp: Phải thường xuyên nghiên cứu cải tiến quy trình, cách thức tổ chức các kỳ họp của QH, HĐND, nhất là trong việc quyết định thông qua các văn bản quy phạm pháp luật, quyết định các vấn đề quan trọng.

Bốn là, phải tăng cường bộ máy giúp việc theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa, đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất để nghiên cứu, tham mưu và phục vụ tốt cho các hoạt động của QH, HĐND.

### **3.1.3. Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương**

Sau 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn và quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: Kinh tế đã thoát ra khỏi

khủng hoảng, từng bước vươn lên. Đến nay đã đứng vào hàng ngũ những nước đang phát triển với thu nhập bình quân đầu người đạt xấp xỉ 1.000 USD/ năm; các hoạt động văn hóa-xã hội có những bước tiến bộ đáng kể; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định; hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, vị thế vai trò của Việt Nam này càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của chúng ta trong giai đoạn 2011-2020 là: *“Phấn đấu đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao, tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau”* [10].

Xuất phát từ mục tiêu đó, có thể thấy định hướng và nhu cầu phát triển cơ bản kinh tế-xã hội của đất nước giai đoạn này là:

Về kinh tế: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, tạo nền tảng cho một nước công nghiệp; phát triển nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông; phát triển hài hòa, bền vững các vùng, xây dựng đô thị nông thôn mới;

Về văn hóa-xã hội: Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế; phát triển sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo

Về an ninh-quốc phòng: Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; mở rộng mối quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đối với Quảng Nam, *“thời gian qua, với sự giúp đỡ của Trung ương và sự nỗ lực cố gắng phấn đấu của cán bộ và nhân dân, tỉnh Quảng Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đã vươn lên tốp khá*

ở khu vực miền Trung và nằm trong lớp trung bình của cả nước. Tuy nhiên, so với những lợi thế sẵn có cũng như mục tiêu đặt ra thì sự phát triển đó vẫn còn khá khiêm tốn. Chính vì vậy, nhu cầu về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian tới là rất lớn, mà trước mắt là đến năm 2020" [33]. Điều đó được thể hiện qua các nét lớn sau:

Về kinh tế: Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và phát triển bền vững. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phát triển theo hướng công nghiệp, dịch vụ. Phần đầu tăng trưởng kinh tế hằng năm đạt từ 10-10,5%; GDP đầu người đến năm 2020 đạt 75 triệu đồng/người; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp (46%), dịch vụ (44%) và nông nghiệp chiếm 10%.

Về xã hội: Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hằng năm từ 2-2,5%, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 10%; tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 65%; hằng năm giải quyết việc làm mới cho 15.000 lao động; đến năm 2020 có 50% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; phần đầu có 9 bác sỹ/vạn dân, 32 giường bệnh/vạn dân; tuổi thọ trung bình đạt 75 tuổi; 95% dân số nông thôn và 100% dân số thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh.

#### ***3.1.4. Nhu cầu khắc phục các hạn chế, bất cập trong thực tiễn tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân***

Công tác tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam trong những năm qua cho thấy, bên cạnh những ưu điểm, thành tựu đã đạt được vẫn còn những yếu kém cần phải khắc phục kịp thời như: Việc bố trí cán bộ chưa theo chuyên môn được đào tạo nên chưa phát huy hết sở trường; trình độ năng lực quản lý, chuyên môn của một bộ phận CBCC còn hạn chế; năng suất, hiệu quả làm việc chưa như mong muốn; công tác tham mưu chưa có chiều sâu mà chủ yếu theo sự vụ; trật tự, kỷ cương hành chính có lúc còn lỏng lẻo... Những hạn chế, yếu kém đó đã phần nào làm ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan.

Để theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đáp ứng yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của các cơ quan dân cử nói riêng về công tác tham mưu, phục vụ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thì việc tìm ra các giải pháp để giải quyết các vấn đề còn tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong tổ chức và hoạt động của Văn

phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam trong thời gian quan là nhiệm vụ cấp thiết. Nhu cầu này được thể hiện ở tiến trình lịch sử hình thành và từng bước hoàn thiện cả về tổ chức và hoạt động của cơ quan giúp việc cho đại biểu Quốc hội và HĐND. Điều này được thể hiện qua những nội dung sau:

#### *3.1.4.1. Góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN*

Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN đòi hỏi công chức chỉ thực hiện những gì pháp luật quy định. Công chức nhân danh Nhà nước thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật. “Hoạt động công vụ của CBCC là việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của CBCC theo quy định của Luật này và các quy định khác có liên quan”. Như vậy, công chức nói chung và công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh nói riêng khi tham gia hoạt động công vụ phải tuân thủ các nghĩa vụ và có trách nhiệm thực hiện đúng quyền hạn được giao. Với ý nghĩa quan trọng như vậy, cần phải hoàn thiện các quy định về nghĩa vụ và quyền của CBCC.

Để đạt được điều đó, bên cạnh năng lực, trình độ, công chức còn phải thường xuyên rèn luyện phẩm chất, đạo đức để bảo đảm các quy định về đạo đức công vụ, đặc biệt là trách nhiệm trong công vụ. Phẩm chất, bản lĩnh chính trị là yêu cầu quan trọng, cơ bản nhất đối với đội ngũ công chức, đó là sự trung thành và bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với mục tiêu và con đường XHCN mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn; nhiệt tình cách mạng, gương mẫu, tận tụy, có tinh thần và ý thức trách nhiệm cao với công việc, hết lòng, hết sức vì sự nghiệp của nhân dân, tận tâm, tận chí phục vụ nhân dân.

Để thực sự là “công bộc” của dân, đội ngũ công chức ngoài năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phải có đầy đủ chuẩn mực đạo đức “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” của người công chức thời kỳ mới. Đặc biệt, công chức phải có “cái tâm”, nghĩa là phải công tâm, trung thực, ngay thẳng, công bằng vì việc chung, không thiên vị, công minh chính đại, thiết diện vô tư, tất cả vì lợi ích công, lợi ích chung của tập thể, của xã hội, của nhân dân.

Thực hiện đúng các nguyên tắc công khai, minh bạch và công bằng trong thực thi công vụ là để bảo đảm cho mọi người dân được bình đẳng trước pháp luật và

hạn chế đến mức tối đa ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan, duy ý chí, tư tưởng bình quân chủ nghĩa hoặc đặc ân, đặc quyền trong xây dựng và hoạch định các chế độ, chính sách. Có thể nói các yêu cầu về chuẩn mực đạo đức của người công chức trong Nhà nước pháp quyền XHCN không chỉ nhằm củng cố địa vị pháp lý của người công chức trong xã hội mà còn tạo ra sự tôn trọng, tin tưởng của người dân.

#### *3.1.4.2. Đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính*

Hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền XHCN, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn liền với việc đổi mới thể chế quản lý đội ngũ công chức nói chung, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh nói riêng. Sắp xếp lại tổ chức, bố trí hợp lý đội ngũ công chức; cải cách công vụ, cải cách chế độ tiền lương để đáp ứng yêu cầu cải cách nền hành chính nhà nước là một yêu cầu tất yếu, khách quan trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Quyết định số 1557/QĐ-TTg, ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức” xác định: *“Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức phải gắn với quá trình thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, phù hợp với đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, góp phần xây dựng một nền hành chính thống nhất, trong sạch, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả và phục vụ nhân dân”*. [4]

Đối với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, việc thực hiện các nội dung đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức nhằm các mục đích sau:

- Đẩy mạnh hoàn thiện việc tổ chức công vụ gọn, nhẹ; từng bước sắp xếp tổ chức bộ máy gọn nhẹ, tránh chồng chéo.

- Xác định danh mục vị trí việc làm: Đẩy mạnh triển khai việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức theo đề án đã xây dựng nhằm bố trí đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, chức danh công chức: Tổ chức việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hệ thống tiêu chuẩn, chức danh ngạch công chức và tiêu chuẩn, chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên để trình cấp có thẩm quyền

ban hành.

- Gắn chế độ trách nhiệm cùng kết quả thực thi công vụ với các chế tài về khen thưởng, kỷ luật, thăng tiến, đãi ngộ. Đặc biệt là đề cao trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu các đơn vị của Văn phòng.

- Tiếp tục đổi mới công tác đánh giá cán bộ, đánh giá công chức. Việc đánh giá phải căn cứ vào kết quả, hiệu quả công tác của CBCC. Coi đó là thước đo chính để đánh giá phẩm chất, trình độ, năng lực của CBCC. Sửa đổi, bổ sung và ban hành mới quy trình đánh giá công chức, đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai, chính xác và trách nhiệm đối với việc đánh giá công chức.

#### *3.1.4.3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước*

Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính nhà nước nói chung và của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh nói riêng là một yêu cầu tất yếu và cấp bách trong điều kiện nước ta hiện nay. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động chính là nâng cao vai trò lãnh đạo của các cơ quan nhà nước đối với toàn xã hội, là góp phần hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN.

Nếu không nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thì không thể hoàn thành nhiệm vụ mà cấp trên và nhân dân giao phó. Bởi lẽ, yêu cầu của xã hội ở giai đoạn hiện nay đặt ra cao hơn trước gấp nhiều lần do tính chất phức tạp của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng mà đất nước ta đang thực hiện.

Đối với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND, tiếp tục đổi mới tổ chức hoạt động cũng nhằm bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

#### *3.1.4.4. Xây dựng đội ngũ công chức của cơ quan trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại*

Trong điều kiện mặt bằng dân trí của xã hội ngày càng được cải thiện, tri thức khoa học - công nghệ của thế giới đang ngày càng phong phú và đa dạng, đòi hỏi người công chức nói chung, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh nói riêng phải có trình độ kiến thức và năng lực tư duy khoa học sáng tạo, nhạy bén, độc lập, trí tuệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện tại.

Yêu cầu đội ngũ công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phải

không ngừng học tập để nâng cao trình độ kiến thức và năng lực trí tuệ của mình. Đồng thời, Nhà nước cần có chính sách, chế độ và tạo điều kiện để công chức được đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng, bổ sung những kiến thức cơ bản, cập nhật kiến thức mới để thực thi công vụ hiệu quả nhất.

Với yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao trong tình hình mới, đòi hỏi đội ngũ công chức của Văn phòng cũng phải đi sâu vào chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa. Do đó, đội ngũ công chức của Văn phòng cũng cần phải được đào tạo về mặt chuyên môn một cách chính quy, hệ thống. Hơn nữa, vì lao động thực thi quyền lực nhà nước là một dạng lao động đặc thù và phức tạp, công chức thực thi công vụ, thực thi quyền lực nhà nước, thực thi pháp luật không được phép sai sót, không được vi phạm. Do vậy, đội ngũ cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh cần phải nắm vững chuyên môn nghiệp vụ, phải am hiểu sâu sắc lĩnh vực chuyên môn của mình.

### **3.2. Quan điểm đổi mới tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam**

#### ***3.2.1. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân gắn với xây dựng Nhà nước pháp quyền***

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân hiện nay, vấn đề nâng cao chất lượng hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung, của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh nói riêng trở nên có ý nghĩa cấp bách hơn bao giờ hết. Điều này được thể hiện ở một số khía cạnh sau:

*Thứ nhất*, thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền có mục tiêu quan trọng nhất là nâng cao vai trò pháp luật trong đời sống xã hội, hoàn thiện hệ thống pháp luật và yêu cầu mở rộng dân chủ trong nhân dân, đặc biệt là dân chủ trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội. Để thực hiện được mục tiêu quan trọng này, vấn đề đặt ra là dựa vào hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống các cơ quan nhà nước nói riêng và hệ thống chính trị nói riêng trong việc bảo đảm và thực thi các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

*Thứ hai, để thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phải tiến hành đổi mới cả về tổ chức và hoạt động nhằm nâng cao vị trí của mình trong hệ thống các cơ quan; đồng thời, thực hiện tốt hơn nữa vai trò tham mưu, phục vụ cho Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.*

### ***3.2.2. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân gắn với thực hiện cải cách hành chính***

Bên cạnh việc xây dựng Nhà nước pháp quyền, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước 10 năm với mục tiêu: “*Xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng*” [3].

Để đáp ứng được yêu cầu của sự đổi mới và chương trình cải cách hành chính, trong những năm gần đây Nhà nước ta đã từng bước cải cách hệ thống, thể chế các văn bản pháp luật, dưới luật được thay đổi bổ sung khá nhiều. Hệ thống thể chế, luật pháp, dưới luật được thay đổi, bổ sung chức năng nhiệm vụ và hoàn thiện bộ máy hành chính các cấp. Trong những năm qua tỉnh Quảng Nam đã đưa cải cách hành chính ở các cơ quan Nhà nước là chương trình trọng điểm hàng năm, yêu cầu các cơ quan hành chính thực hiện đổi mới phương thức làm việc và tổ chức bộ máy của đơn vị. Với vai trò là một trong những cơ quan tham mưu quan trọng của tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh được chọn làm 1 trong 3 cơ quan của tỉnh triển khai thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính đầu tiên trên địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại.

### ***3.2.3. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân nhằm góp phần thúc đẩy hội nhập quốc tế***

Trong những thập niên gần đây hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành xu thế tất yếu phát triển của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Đảng ta chủ trương: “*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế*”. Yêu cầu đặt ra là các cơ quan trong bộ máy nhà nước phải đáp ứng yêu cầu và hỗ trợ, tạo điều kiện để các đối tác trong nước

và quốc tế hoạt động thuận lợi nhất, chủ động đáp ứng và giành thắng lợi trong quá trình hội nhập, thì cải cách hành chính đơn giản hoá các thủ tục, đổi mới phương thức làm việc là đòi hỏi cấp bách.

### **3.3. Giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam**

#### ***3.3.1. Nhóm giải pháp chung***

##### ***3.3.1.1. Đổi mới nhận thức***

Thời gian qua, mặc dù đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và trên thực tế nó đã trở thành một cơ quan độc lập trong hệ thống các cơ quan nhà nước ở địa phương; các hoạt động của Văn phòng đã và đang góp phần rất lớn vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của đất nước nói chung và của tỉnh Quảng Nam nói riêng. Tuy nhiên, trong cách nhìn nhận của nhiều người thì Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chỉ là cơ quan phục vụ mà không đánh giá đúng chức năng chính là tham mưu. Do đó, chưa được xem là cơ quan ngang hàng với các cơ quan cùng cấp nên trong quá trình công tác gặp rất nhiều bất lợi, nhất là việc được quan tâm bổ sung biên chế và đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động. Điều này đã làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của cơ quan. Để được đánh giá, nhìn nhận đúng vai trò, vị trí của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND, ngoài các giải pháp bản thân Văn phòng phải tự đổi mới tổ chức, phương thức, lề lối làm việc để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thì cũng cần phải cần có giải pháp thay đổi nhận thức về Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND.

*Một là*, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để các cấp, các ngành và toàn xã hội nhận thức đầy đủ, đúng đắn về vai trò, vị trí, quyền hạn trách nhiệm của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND. Đây cũng là cách tạo ra áp lực của dư luận xã hội đối với cán bộ, công chức cơ quan, buộc họ phải năng động hơn, có trách nhiệm hơn trước nhiệm vụ được giao.

*Hai là*, Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND cần thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao mọi mặt hoạt động của

Văn phòng. Tạo điều kiện thuận lợi, điều kiện làm việc, động viên kịp thời bằng vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ công chức Văn phòng.

*Ba là*, Thường vụ Tỉnh ủy, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh cần đánh giá, nhìn nhận vai trò quan trọng của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh ngang hàng với các sở ngành của UBND tỉnh để từ đó đưa Chánh văn phòng vào cơ cấu, quy hoạch vào Ban chấp hành đảng bộ tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Chánh Văn phòng, đồng thời tránh sự "lép vế" so với các cơ quan khác.

### *3.3.1.2. Hoàn thiện pháp luật*

*Thứ nhất*, Ủy ban thường vụ Quốc hội cần sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 545 theo hướng quy định rõ địa vị pháp lý của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, xác định Văn phòng là một cơ quan trong hệ thống cơ quan của chính quyền địa phương có địa vị pháp lý như các sở, ban, ngành của tỉnh; các tiêu chuẩn, chế độ, chính sách đối với lãnh đạo Văn phòng được áp dụng theo chế độ chung của cơ quan cấp tỉnh ở địa phương. Quy định rõ mối quan hệ công tác của Văn phòng với các cơ quan hữu quan, nhất là đối với các sở, ban, ngành. Bên cạnh đó, cần sửa đổi quy định về tổ chức các phòng của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh theo hướng để các Văn phòng tự chủ thành số lượng và tên gọi các phòng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và yêu cầu của lãnh đạo Đoàn ĐBQH và Thường trực HĐND tỉnh nhằm phát huy được hiệu quả trong việc bố trí, sử dụng con người của từng văn phòng.

*Thứ hai*, Văn phòng Quốc hội cần ban hành văn bản hướng dẫn việc hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Văn phòng với các cơ quan, tổ chức hữu quan. Trong đó, cần chú trọng đến mối quan hệ với VPQH trong công tác tham mưu, phục vụ kỳ họp; cách thức cải tiến việc gửi và nhận tài liệu; bảo đảm thông tin thường xuyên, hai chiều; hướng dẫn áp dụng các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của Văn phòng; tăng cường công tác tham mưu, phục vụ giám sát, hướng dẫn hoạt động của HĐND cấp tỉnh. Đồng thời, thường xuyên tổ chức các hội nghị chuyên đề, tập huấn cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh...

### *3.3.1.3. Tạo lập các điều kiện đảm bảo hoạt động của văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân*

Trên cơ sở các kết quả đã đạt được, những hạn chế tồn tại qua thực tiễn như trên các cơ quan có thẩm quyền cần tạo lập các điều kiện đảm bảo hoạt động của văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân như sau:

*Thứ nhất*, Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND cần thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao mọi mặt hoạt động của Văn phòng. Tạo điều kiện thuận lợi, điều kiện làm việc, động viên kịp thời bằng vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ công chức Văn phòng.

*Thứ hai*, tăng cường củng cố bộ máy, đảm bảo biên chế cho Văn phòng đủ sức làm tham mưu, giúp việc cho Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh. Cán bộ làm lãnh đạo Văn phòng phải là những người có đủ phẩm chất, nhân cách, bản lĩnh nghề nghiệp, tận tụy, chu đáo, bao quát được mọi công việc của Văn phòng. Đội ngũ cán bộ, công chức cần phải có trình độ chuyên môn đạt tiêu chuẩn, có tinh thần trách nhiệm, có năng lực phân tích, tổng hợp ở lĩnh vực được phân công nhằm đáp ứng nhiệm vụ được giao.

Xây dựng Quy chế, quy trình làm việc phối hợp trong Văn phòng một cách chặt chẽ, khoa học. Quy trình giải quyết công việc tổ chức một cách hợp lý, xác định trách nhiệm của từng cán bộ, công chức theo hướng chuyên môn hóa, phù hợp năng lực. Bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, chương trình công tác của cấp ủy, của HĐND tỉnh để chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu và tổ chức các hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan dân cử và đại biểu dân cử.

*Thứ ba*, có chính sách thu hút những cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm công tác từ các ngành chuyên môn về Văn phòng để nâng cao hiệu quả tham mưu, phục vụ cho Đoàn ĐBQH và HĐND. Quan tâm quy hoạch luân chuyển đào tạo nguồn cán bộ của Văn phòng. Theo đó, lãnh đạo Văn phòng cần mạnh dạn xây dựng kế hoạch trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế hỗ trợ về tài chính, ưu tiên về đất đai, nhà ở đối với những người có chuyên môn giỏi, phù hợp về công tác tại Văn phòng. Bên cạnh đó, hằng năm cần rà soát quy hoạch cán bộ để kịp thời bổ sung

những cán bộ có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt vào quy hoạch nhằm tạo nguồn cán bộ có chất lượng để phục vụ công tác đề bạt, bổ nhiệm.

*Thứ tư*, thường xuyên bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, kiến thức quản lý nhà nước, lý luận chính trị cho công chức, viên chức. Tổ chức giao lưu, học tập trao đổi kinh nghiệm hoạt động Văn phòng với các địa phương khác. Bản thân mỗi cán bộ, công chức Văn phòng phải chủ động tự nghiên cứu, học tập trau dồi kiến thức, kỹ năng cho mình để nâng cao hiệu quả công tác. Mỗi cán bộ, công chức cần phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, nắm vững các quy định của Luật, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công việc để tham mưu đúng, có chất lượng. Thường xuyên tự rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng soạn thảo văn bản...

*Thứ năm*, xây dựng cơ quan, các tổ chức đoàn thể quần chúng đoàn kết, vững mạnh tạo sự đồng thuận nhất trí cao trong nội bộ trên cơ sở thực hiện quy chế dân chủ quan tâm đời sống của cán bộ; quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ có trình độ chuyên môn sâu, có tư duy đổi mới và sáng tạo, đây là những yếu tố có ý nghĩa quyết định đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn và xây dựng cơ quan Văn phòng ngày càng vững mạnh, góp phần từng bước đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

### ***3.3.2. Nhóm giải pháp cụ thể đối với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam***

#### ***3.3.2.1. Nâng cao chất lượng nhân lực của Văn phòng***

Nguồn nhân lực là tất cả những kiến thức, kỹ năng và tiềm năng của con người liên quan tới sự phát triển của mỗi cá nhân, mỗi tổ chức và của đất nước. Nguồn nhân lực là nguồn lực mang tính chiến lược, nó là yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức doanh nghiệp, nhất là trong thời kỳ chuyển sang nền kinh tế tri thức. Do vậy, để nâng cao chất lượng nhân lực của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam cần thực hiện các giải pháp sau:

*Thứ nhất*, đổi mới công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch và sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định về tuyển dụng cán bộ, công chức; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút đội ngũ sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, sinh viên các

trường có chất lượng cao; thu hút cán bộ có trình độ chuyên môn cao về công tác tại Văn phòng.

*Thứ hai*, hoàn thiện đề án về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP, ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ. Trên cơ sở đó để xác định vị trí việc làm gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu và ngạch công chức làm cơ sở cho việc xác định biên chế và bố trí công chức của cơ quan.

*Thứ ba*, đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá, sàng lọc đội ngũ cán bộ, công chức để có chính sách đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; đề bạt, bổ nhiệm hợp lý. Theo đó, lãnh đạo cơ quan ngoài việc quản lý CB,CC bằng thời giờ làm việc còn phải quản lý bằng chất lượng, hiệu quả công việc được giao. Trên cơ sở đó, nhận xét về tinh thần trách nhiệm, khả năng, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ, sở trường... của từng CB,CC làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại CB,CC và xét thi đua, khen thưởng cuối năm. Đồng thời, xem đó là căn cứ để bố trí công việc phù hợp với năng lực, chuyên môn của từng người nhằm phát huy tốt khả năng và là căn cứ để xem xét quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm vào các chức danh quản lý, lãnh đạo một cách chính xác, công bằng.

*Thứ tư*, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức tương xứng với thành tích và năng lực cá nhân; điều chỉnh chính sách lương, phụ cấp ưu đãi, cơ chế đãi ngộ phù hợp để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, tạo động lực và điều kiện cho đội ngũ cán bộ, công chức nâng cao năng lực, trình độ.

Đề nghị HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh ban hành quy định tiêu chuẩn chấm điểm cán bộ, công chức theo hàng quý và đề ra mức thưởng cho việc hoàn thành nhiệm vụ được giao nhằm khuyến khích động viên cán bộ, công chức cố gắng phấn đấu thi đua nâng cao chất lượng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, bổ sung quy định trợ cấp tiền ăn trưa cho cán bộ, công chức phục vụ HĐND tỉnh bằng mức của cán bộ, công chức phục vụ Đoàn ĐBQH được hưởng để tạo sự công bằng và tránh việc so bì ngay trong nội bộ cơ quan.

*Thứ năm*, thực hiện nhiều hơn nữa việc luân chuyển cán bộ giữa các phòng chuyên môn trong Văn phòng. Theo đó, cứ 05 năm luân chuyển vị trí công tác một

lần, từ cấp Trưởng phòng trở xuống. Qua đó tạo điều kiện cho cán bộ công chức không những giỏi một việc mà biết nhiều việc; đồng thời, tạo môi trường có tính cạnh tranh, phấn đấu nỗ lực cao, có khả năng thể hiện được năng lực công tác. Cũng thông qua việc luân chuyển vị trí công tác sẽ phát huy được sở trường của từng người, làm căn cứ cho việc quy hoạch, bổ nhiệm vào những vị trí lãnh đạo, quản lý của Văn phòng và cao hơn nữa là các Ban, Thường trực HĐND tỉnh, lãnh đạo Đoàn ĐBQH của tỉnh.

#### *3.3.2.2. Xây dựng mối quan hệ phối hợp giữa Văn phòng và các thiết chế khác*

Để thuận lợi cho quá trình thực hiện nhiệm vụ, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam cần thiết lập và tăng cường các mối quan hệ phối hợp với thiết chế khác.

*Đối với các cơ quan Trung ương:* Thường xuyên liên hệ với Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ban Công tác đại biểu và Ban Dân nguyện của Ủy ban TVQH để nhận được sự chỉ đạo, hướng dẫn về mặt chuyên môn. Bên cạnh đó, thực hiện tốt chế độ báo cáo cho các cơ quan nói trên theo định kỳ nhằm duy trì mối quan hệ; đồng thời kịp thời đề xuất những ý kiến kiến nghị lên cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết những vấn đề khó khăn vướng mắc.

*Đối với lãnh đạo tỉnh:* Ngoài việc tham mưu những công việc có tính chất thường xuyên, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh cần chủ động tham mưu cho Thường vụ tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, UBND tỉnh những vấn đề quan trọng mang tầm chiến lược liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội của địa phương để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Qua đó, khẳng định được vị trí, vai trò của mình đối với các cơ quan cấp trên và nhận được sự quan tâm về mọi mặt của các cơ quan này.

*Đối với các cơ quan thuộc tỉnh:* Duy trì tốt mối quan hệ sẵn có với các cơ quan thuộc tỉnh. Đồng thời, tăng cường việc trao đổi thông tin, giao lưu học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, đặc biệt là với Văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng UBND tỉnh; thực hiện việc gửi thông báo về tình hình hoạt động giữa các cơ quan theo định kỳ, tháng, quý, sáu tháng và năm.

*Đối với cơ sở:* Tuy không phải là cấp trên và cấp dưới, nhưng giữa Văn phòng

Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh với Văn phòng HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng có mối quan hệ khá mật thiết. Do đó, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phải thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện; đồng thời, định kỳ hằng năm tổ chức hội nghị giao ban để trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Văn phòng hai cấp, qua đó bổ sung cho nhau những kinh nghiệm cần thiết phục vụ cho hoạt động của các cơ quan.

### *3.3.2.3. Đổi mới công tác quản lý, điều hành Văn phòng*

*Một là*, quản lý Văn phòng liên quan nhiều đến công tác nội bộ, công tác quản lý cơ quan, tập trung vào tổ chức công việc hướng tới đạt được các mục tiêu của cơ quan. Có 4 nội dung quan trọng trong quản lý văn phòng mà lãnh đạo Văn phòng cần quan tâm thực hiện, bao gồm:

- Xác định rõ các mục tiêu để quyết tâm thực hiện;
- Phân công rõ vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm cho từng cán bộ, công chức;
- Thiết lập các quy trình giải quyết công việc hiệu quả: việc ra quyết định dựa vào người có năng lực, tri thức và thông tin phù hợp.
- Tăng cường các mối quan hệ giao tiếp liên cá nhân trên cơ sở cởi mở và tin tưởng lẫn nhau; nhạy cảm, mềm dẻo với nhu cầu của người khác; khuyến khích tính sáng tạo của cán bộ, công chức.

*Hai là*, tăng cường công tác quản lý chất lượng, quản lý quy trình, thủ tục công tác nhằm kiểm soát, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Lập hồ sơ công việc, lưu trữ và lưu trữ điện tử cần được phát huy trong quản lý công tác. Bên cạnh việc quản lý theo quy trình, quản lý bằng các phương tiện, công nghệ tiên tiến (hệ thống ISO), lãnh đạo cơ quan cũng cần quan tâm quản lý qua hình thức “vi hành”, thường xuyên gặp gỡ trực tiếp nhân viên, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng trong công việc cũng như trong cuộc sống, lắng nghe và kịp thời đề ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho nhân viên, ...

*Ba là*, không ngừng nâng cao chất lượng tham mưu, phục vụ để nâng cao vai trò, vị thế của Văn phòng đối với các cơ quan khác; đồng thời, để tạo sự nhìn nhận chính xác, toàn diện của lãnh đạo cũng như các cơ quan bạn đối với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

*Bốn là*, chú trọng áp dụng công nghệ thông tin, công cụ của Chính phủ điện tử vào hệ thống công vụ. Qua đó, góp phần rất lớn vào việc nâng cao chất lượng của thể chế dân chủ, tăng cường sự tham gia của công dân vào quản lý nhà nước; tăng hiệu quả hợp tác giữa các cơ quan; đơn giản hoá thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho người dân khi đến tiếp xúc và giao dịch. Chính phủ điện tử cũng hỗ trợ rất lớn cho công chức làm việc và giúp người dân khai thác thông tin; bảo đảm truy cập ở bất cứ đâu. Ngoài việc thực hiện giao dịch thông qua cổng thông tin, vẫn nên duy trì phương thức giao dịch truyền thống (bằng giấy) để người già, người tàn tật có điều kiện thực hiện quyền của mình.

*Năm là*, tham khảo và vận dụng phù hợp một số thực tiễn tốt về quản trị nhân sự. Chẳng hạn như: công tác tuyển dụng hay đánh giá nhân viên đều dựa trên các yếu tố về: kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm; hiệu quả công việc; thái độ với công việc, cách ứng xử; mối quan tâm và tính sáng tạo; khả năng làm việc theo nhóm... Cơ cấu vị trí việc làm được xác định cụ thể, tạo cơ sở cho việc tuyển dụng mới, thay thế những người nghỉ hưu, đào tạo những người chưa đảm bảo yêu cầu và tiến hành tinh giản biên chế với tiêu chí định lượng được. Công tác đánh giá khả năng thực thi nhiệm vụ được thực hiện định kỳ (qua các bài thi cũng như kiểm tra thực hành). Việc đánh giá được thực hiện bởi Thủ trưởng trực tiếp, đồng nghiệp cùng cấp. Việc đánh giá hiệu quả công việc có thể thực hiện thông qua việc so sánh với một số người khác thực hiện cùng loại việc (trong cùng bộ phận, cùng ngạch); đánh giá về đạo đức, thái độ, hành vi có đúng chuẩn mực nghề nghiệp. Kết quả đánh giá được sử dụng làm cơ sở xem xét phân công công tác, tiềm năng phát triển, bồi dưỡng hay cho thôi việc. Về công tác đào tạo, nên chú trọng cả hình thức đào tạo tại nhiệm sở (người có thâm niên công tác lâu năm, giàu kinh nghiệm, năng lực cao huấn luyện những người mới).

*Sáu là*, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; nỗ lực xây dựng đội ngũ công chức giỏi chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ để tham dự hiệu quả các hoạt động và chủ động hội nhập quốc tế. Bộ phận hành chính - quản trị cần chủ động chuẩn bị và cung cấp các thông tin, tư liệu, chỉ dẫn liên quan đến đất nước, con người, hệ thống chính trị, hành chính, văn hoá, trang

phục, nghi thức,... để tạo thuận lợi cho các đoàn công tác trong quá trình học tập, sinh hoạt và giao tiếp.

*Bảy là*, bản thân Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND phải tự đổi mới mình. Điều đó có nghĩa là Văn phòng phải tự kiểm điểm, mổ xẻ, phân tích công tác tổ chức, hoạt động của mình trong thời gian qua để có một cái nhìn khách quan, đánh giá một cách thấu đáo những gì đã làm được, chưa được, tìm ra nguyên nhân của nó để có những giải pháp khắc phục phù hợp với điều kiện thực tế. Bên cạnh đó, từng CBCC Văn phòng phải thường xuyên tự học, tự nghiên cứu, tích lũy, nắm bắt, cập nhật thông tin, đặc biệt là thông tin liên quan đến hoạt động của đại biểu và cơ quan dân cử; các chế độ, chính sách của nhà nước, các nghị quyết của HĐND tỉnh, các quy định của địa phương... Đó chính là các căn cứ, là “cái gậy” giúp cho công tác tham mưu, đề xuất trong các hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND ngày càng sát thực và hiệu quả. Bên cạnh đó, cần nhạy bén và kịp thời trong việc nắm bắt những vấn đề “nóng”, nhạy cảm hoặc những ý kiến, kiến nghị bức xúc của cử tri cũng như thường xuyên rà soát các nghị quyết của HĐND tỉnh, nghị quyết về chương trình giám sát năm, nghị quyết về chương trình nội dung các kỳ họp,... để kiểm tra, đối chiếu những việc đã làm được, những việc chưa làm được, những việc cần phải bổ sung,... để tiếp tục tham mưu, đề xuất với Thường trực HĐND, các Ban HĐND điều chỉnh, đưa vào chương trình công tác, từng bước đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

*Tám là*, ngoài việc phân công nhiệm vụ lãnh đạo và cán bộ Văn phòng theo quy định của pháp luật, cần cụ thể hóa và vận dụng linh hoạt hơn, như: Phân công lãnh đạo Văn phòng theo lĩnh vực các ban HĐND, mỗi lãnh đạo Văn phòng được phân công trực tiếp chỉ đạo công tác tham mưu, giúp việc về một lĩnh vực cùng với Thường trực HĐND và Ban HĐND; phân công lãnh đạo Văn phòng có nhiệm vụ giữ mối liên hệ với từ 2 đến 3 Thường trực HĐND cấp huyện và tổ đại biểu HĐND tỉnh tương ứng ở đơn vị đó. Đối với các chuyên viên cũng vậy, mỗi chuyên viên giữ mối liên hệ với một Thường trực HĐND cấp huyện và tổ đại biểu HĐND tỉnh tương ứng ở huyện đó. Như vậy, lãnh đạo và chuyên viên Văn phòng sẽ là cầu nối trực tiếp giữa Thường trực HĐND, Ban HĐND tỉnh với tổ đại biểu HĐND tỉnh và

Thường trực HĐND cấp huyện, tạo sự gắn bó, thông suốt, kịp thời trong mối quan hệ hoạt động của HĐND tỉnh với HĐND cấp huyện.

#### *3.3.2.4. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị làm việc*

Cùng với yếu tố nguồn nhân lực, thì cơ sở hạ tầng, trang thiết bị làm việc là một trong hai nhân tố cơ bản quyết định chất lượng, hiệu quả công việc. Mặc dù, thời gian qua cơ sở hạ tầng và trang thiết bị làm việc của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam được đánh giá là cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác. Thế nhưng, xét một cách toàn diện và để đáp ứng đòi hỏi yêu cầu công tác ngày càng nâng lên thì cơ sở hạ tầng, trang thiết bị làm việc của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam cần phải được cải tiến, đầu tư nhiều hơn nữa, đó là:

- Về trụ sở làm việc: Phải tăng thêm số phòng làm việc để bảo đảm cấp Phó trưởng phòng trở lên mỗi người một phòng, 02 chuyên viên một phòng, có như thế mới đảm bảo không gian nghiên cứu và làm việc.

- Về phương tiện làm việc:

+ Đối với đại biểu HĐND tỉnh: Triển khai mô hình HĐND điện tử thông qua việc trang bị máy tính xách tay cho các đại biểu và được cung cấp một địa chỉ hộp thư công vụ. Các tài liệu liên quan đến hoạt động đại biểu; thông tin về tình hình kinh tế xã hội; các văn bản pháp luật mới ban hành thường xuyên được gửi vào hộp thư cho đại biểu tham khảo qua đó đã đạt được những tiện ích như sau: Tài liệu gửi đến đại biểu nhanh chóng, khắc phục cơ bản được tình trạng tài liệu đến tay đại biểu vào thời điểm sát ngày khai mạc kỳ họp; Thông tin gửi đến đại biểu nhiều hơn so với gửi tài liệu giấy nhưng vẫn bảo mật; thuận lợi cho việc tra cứu, trả lời cử tri của đại biểu; tác động giúp đại biểu năng động hơn trong hoạt động của mình; Tiết kiệm kinh phí cho hoạt động HĐND; đồng thời, việc tham mưu, phục vụ của cán bộ, công chức văn phòng sẽ nhanh chóng, tiện lợi và hiệu cao hơn rất nhiều.

+ Đối với Văn phòng: Thay toàn bộ hệ thống máy vi tính cũ, xuống cấp bằng hệ thống máy mới (máy tính xách tay) để tăng năng suất làm việc cũng như thuận tiện cho việc truy, xuất dữ liệu; thuận tiện cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong nhiệm vụ chuyên môn. Bên cạnh đó, trang bị hệ thống máy Scanner hiện đại để phục vụ chuyển văn bản, tài liệu qua hệ thống máy tính nhằm tiết kiệm thời gian và

văn phòng phẩm.

- Về phương tiện phục vụ đi lại: Số lượng xe ô tô của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam hiện có là 07 chiếc, tuy đảm bảo về số lượng, nhưng trong số đó có 04 chiếc đã sử dụng trên 15 năm, đã xuống cấp trầm trọng, thường xuyên bị hư hỏng nên không thể đi xa hoặc đi miền núi. Do đó, cần thanh lý toàn bộ các xe ô tô xuống cấp, thường xuyên hư hỏng để trang bị xe ô tô mới với các chủng loại phù hợp cho việc phục vụ công tác ở các địa hình khác nhau.

- Về kinh phí hoạt động: Cần tăng nguồn kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống phần mềm quản lý hoạt động giám sát, quản lý đơn thư, quản lý công văn tài liệu... để hỗ trợ cho công tác văn thư, lưu trữ được thuận tiện và bảo đảm tính bảo mật, an toàn cho tài liệu;

### **Kết luận Chương 3**

Chương này tác giả đã tập trung đi sâu vào phân tích những nhu cầu, quan điểm đổi mới về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, HĐND nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động để trên cơ sở đó tác động đến việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND nhằm đáp ứng yêu cầu tham mưu, phục vụ cho Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh. Cùng với đó, trên cơ sở thực trạng về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam trong thời gian qua, đặc biệt là những tồn tại, khó khăn, vướng mắc gặp phải, chương này tác giả đã trình bày một cách khá chi tiết về những giải pháp khắc phục những vấn đề tồn tại, vướng mắc, đồng thời lồng ghép vào những đề xuất, kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành những văn bản quy định rõ hơn về địa vị pháp lý của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, cũng như quan tâm hỗ trợ về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác tham mưu, phục vụ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trong thời gian tới.

## KẾT LUẬN

Cùng với sự phát triển của tình hình kinh tế - xã hội, sự đổi mới liên tục về tổ chức và hoạt động của các cơ quan dân cử từ trung ương đến địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam cũng phải có sự đổi mới để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong những giai đoạn nhất định của lịch sử và ngày càng khẳng định được vị trí quan trọng của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước.

Để có sự hình dung về Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, tác giả đã điếm qua những mốc thời gian hình thành và phát triển của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HDND qua các thời kỳ của lịch sử dân tộc; đồng thời, tập trung phân tích, làm rõ về đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, các mối quan hệ và những yếu tố tác động ảnh hưởng đến hoạt động của nó trên sở các quy định của pháp luật. Từ đó khẳng định được địa vị pháp lý của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh.

Trên cơ sở lý luận và quy định của pháp luật về Văn phòng Đoàn ĐBQH và HDND, tác giả đã mô tả về thực trạng công tác tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh Quảng Nam từ năm 2011-2015. Trong đó, tập trung phân tích kỹ những mặt đã làm được và nguyên nhân của nó; đồng thời cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế yếu kém và những nguyên nhân gây ra những tồn tại, hạn chế đó.

Sau khi đã nhận diện được những mặt mạnh, mặt yếu kém, tồn tại trong quá trình tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh Quảng Nam trong thời gian qua, tác giả mạnh dạn đề ra nhiều giải pháp và lồng ghép trong đó là những kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền quan tâm thực hiện để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh Quảng Nam nói riêng và của các địa phương khác trên cả nước nói riêng.

Đổi mới mô hình tổ chức, bộ máy Văn phòng Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh, nâng cao hiệu quả tham mưu, phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh là một nội dung cần phải thường xuyên nghiên cứu đổi mới cho thích ứng với chức năng, nhiệm vụ của QH, HDND tỉnh, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, an ninh

- quốc phòng của đất nước và của tỉnh nhà; đáp ứng yêu cầu xây dựng QH mạnh, hoạt động thực chất xứng đáng là cơ quan quyền lực tối cao của nhân dân; đồng thời, góp phần hạn chế tình trạng hoạt động của HĐND mang tính hình thức hợp thức hóa những việc đã rồi của cơ quan chấp hành ở địa phương, mà phải bảo đảm HĐND tỉnh thực sự là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện ý chí nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân địa phương, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân địa phương.

Đề tài “ *Tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND -từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*” đã tập trung phân tích những mặt mạnh, mặt yếu, nguyên nhân tồn tại đề xuất đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc và cải tiến bộ máy tổ chức cũng như hoạt động của cơ quan Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, thành phố nói chung và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam nói riêng. Những mục tiêu, nội dung của luận văn đã được tác giả trình bày dựa trên cơ sở khoa học với hệ thống lý luận có tính lôgic kết hợp với những vấn đề từ thực tiễn trong tổ chức và hoạt động của văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam.

Với khuôn khổ một luận văn khoa học, học viên đã vận dụng kiến thức lý luận được tiếp thu từ quá trình học tập, nghiên cứu tại Học viện, từ các nguồn tài liệu, đi sâu tìm hiểu, khảo sát thực tế tại tỉnh Quảng Nam, bước đầu đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, đây là một vấn đề lớn, phức tạp, nên việc đóng góp của luận văn chỉ một phần, chắc chắn để hoàn thiện vấn đề này, phải có những nghiên cứu tiếp theo./.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn An (2007), *Thực hành dân chủ trong hoạt động của Quốc hội*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp (số 22) tr. 5-11.
2. Hồ Ngọc Cẩn (2003), *Cẩm nang tổ chức và quản trị hành chính văn phòng*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
3. Chính phủ (2010), *Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020*.
4. Chính phủ (2012), *Quyết định số 1557/QĐ-TTg, phê duyệt Đề án đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức..*
5. Cục thống kê Quảng Nam (2012), *Niên giám thống kê năm 2012*, tr 15-17.
6. Nguyễn Đăng Dung (2007), *Quốc hội trong Nhà nước pháp quyền*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
7. Bùi Xuân Đức (2008), *Nhận thức về chức năng đại diện và thực hiện chức năng đại diện của Quốc hội*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số (2), tr. 5-14.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc khóa IX*,
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc khóa X*
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc khóa XI*
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc khóa XII*.
12. Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Nam (2015), *Kỷ yếu 70 năm hoạt động của Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Nam*.
13. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam (2015), *Báo cáo số 11/BC-ĐDBQH, ngày 17 tháng 12 năm 2015 về Tổng kết hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam Khóa XIII (nhiệm kỳ 2011-2016)*.
14. Trần Ngọc Đường (2005), *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp (số 2) tr. 06-15.
15. Trần Ngọc Đường (2011), *Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân thể hiện trong Hiến pháp năm 1992 - Những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp (số 24) tr. 07-11.

16. HĐND tỉnh Quảng Nam (2016), *Báo cáo số 04/BC-HĐND, ngày 18 tháng 03 năm 2016 về Tổng kết hoạt động HĐND tỉnh Quảng Nam Khóa VIII (nhiệm kỳ 2011-2016)*.
17. Hồ Chí Minh (1953), *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Mai Hữu Khuê (2002), *Từ điển giải thích thuật ngữ hành chính*, Nxb Lao động, Hà Nội.
19. Mike Harvay (2001), *Quản trị hành chính văn phòng*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
20. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước cộng hòa XHCN Việt Nam 1992 đã được sửa đổi bổ sung năm 2001*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Quốc hội (2001), *Luật tổ chức Quốc hội số 30/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001*, Hà Nội.
22. Quốc hội (2003), *Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 năm 2003*, Hà Nội.
23. Quốc hội (2003), *Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội số 05/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003*, Hà Nội.
24. Quốc hội (2008), *Luật CBCC năm 2008*, Hà Nội.
25. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức quốc hội*, Hà Nội.
26. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
27. Trần Văn Tân (2011), *Năng lực quyết định và hiệu quả hoạt động giám sát của HĐND tỉnh, HĐND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, NXB Đà Nẵng.
28. Đinh Xuân Thảo (2011), *Tiếp tục đổi mới hoạt động của Quốc hội từ thực tiễn hoạt động của Quốc hội khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia.
29. Lê Minh Thông (2001), *Một số vấn đề hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
30. Lê Minh Thông (2002), *Một số quan điểm về đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương nước ta hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp (số 8)
31. Thủ tướng chính phủ (2012), *Quyết định 1557/QĐ-TTg, ngày 18/10/ 2012 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt đề án “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức”*.

32. Tỉnh ủy Quảng Nam (2011), *Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 30/6/2011 về Công tác cán bộ giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020.*
33. UBND tỉnh Quảng Nam (2015) *Báo cáo tình hình KT-XH giai đoạn 2011-2015, nhiệm vụ phát triển KT-XH giai đoạn 2016-2020.*
34. UBND tỉnh Quảng Nam (2003), *Nghị quyết số 4167/2003/NQ-UBND ngày 01/01/2003 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH.*
35. UBND tỉnh Quảng Nam (2008), *Nghị quyết 545/2007/NQ-UBND về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*
36. Văn phòng Quốc hội (2008), *Hướng dẫn số 2342/HD-VPQH ngày 28/11/2008 của về hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.*
37. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam (2008), *Quy chế làm việc của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Nam.*
38. Văn phòng Quốc hội (2009), *Tài liệu Hội nghị tổng kết công tác Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND các tỉnh, thành phố, Thành phố Đà Nẵng.*
39. Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.

## PHỤ LỤC

*Bảng 2.1. Kết quả giám sát, khảo sát chuyên đề của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh  
Quảng Nam Khóa XIII (nhiệm kỳ 2011-2016)*

| <b>STT</b> | <b>Năm</b> | <b>Tên cuộc giám sát, khảo sát</b>   | <b>Số kiến nghị<br/>sau giám sát,<br/>khảo sát</b> |
|------------|------------|--|--|
| 1          | 2011       | Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh   | 11   |
| 2          |            | Việc thực hiện quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND, giai đoạn 2005-2010   | 8  |
| 3          | 2012       | Việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2005-2011  | 15   |
| 4          |            | Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2006-2011  | 25   |
| 5          |            | Việc thực hiện chính sách, pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đối với các quyết định hành chính về đất đai   | 18   |
| 6          |            | Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh  | 21   |
| 7          | 2013       | Việc thực hiện công tác bảo đảm an toàn về đập, hồ chứa; công tác vận hành, điều tiết nước và một số vấn đề liên quan tại công trình thủy điện A Vương và Đăk Mi 4         | 13   |
| 8          |            | Việc thi hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, ODA cho đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2006-2012 | 22   |

| <b>STT</b> | <b>Năm</b> | <b>Tên cuộc giám sát, khảo sát</b>   | <b>Số kiến nghị sau giám sát, khảo sát</b> |
|------------|------------|--|--|
| 9          |            | Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế, giai đoạn 2009-2012 trên địa bàn tỉnh   | 22   |
| 10         |            | Việc thực hiện chính sách pháp luật trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Nam   | 13   |
| 11         |            | Khảo sát thực tế tình hình sản xuất, đời sống của nhân dân tại một số khu tái định cư của các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam  | 8  |
| 12         |            | Khảo sát về công tác quản lý, bảo vệ, khai thác khoáng sản vàng trên địa bàn tỉnh  | 12   |
| 13         |            | Thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo, giai đoạn 2005–2012 trên địa bàn tỉnh   | 25   |
| 14         |            | Tình hình thực hiện Nghị quyết số 494/NQ-UBTVQH13 và bước đầu thực hiện Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13, Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh              | 10   |
| 15         | 2014       | Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm năm 2011-2015 | 25   |
| 16         |            | Khảo sát chuyên đề về tình hình sản xuất, đời sống ngư dân trên địa bàn tỉnh   | 9  |
| 17         |            | 04 Đoàn khảo sát đơn, thư khiếu nại, tố cáo của một số công dân  | 7  |
| 18         | 2015       | Tình hình oan, sai trong việc áp dụng pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và việc bồi thường thiệt hại cho   | 19   |

| <b>STT</b>               | <b>Năm</b> | <b>Tên cuộc giám sát, khảo sát</b>   | <b>Số kiến nghị sau giám sát, khảo sát</b> |
|--------------------------|------------|--|--|
|                          |            | người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật   |  |
| 19                       |            | Kết quả quá trình hội nhập kinh tế quốc tế từ khi Việt Nam là thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)                                     | 15   |
| 20                       |            | Về việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai tại các nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2004-2014 | 8  |
| 21                       |            | Khảo sát thực tế tình hình sử dụng nước sạch tại một số thôn thuộc hai xã Đại Hưng và xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc                               | 2  |
| <b>Tổng cộng 21 cuộc</b> |            |  | <b>308</b>                                 |

*Bảng 2.2. Số cuộc giám sát của Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2011-2016*

| <b>Năm</b>                 | <b>TTHĐND</b> | <b>Ban KTNS</b> | <b>Ban VHXH</b> | <b>Ban Pháp chế</b> | <b>Ban Dân tộc</b> | <b>Tổng số</b> |
|----------------------------|---------------|-----------------|-----------------|---------------------|--------------------|----------------|
| 2011                       | 15            | 33              | 28              | 30                  | 26                 | 132            |
| 2012                       | 13            | 27              | 26              | 25                  | 21                 | 112            |
| 2013                       | 22            | 19              | 15              | 16                  | 21                 | 93             |
| 2014                       | 10            | 22              | 36              | 23                  | 18                 | 109            |
| 2015                       | 11            | 19              | 29              | 21                  | 12                 | 92             |
| <b>Tổng cộng: 538 cuộc</b> |               |                 |                 |                     |                    |                |

*Bảng 2.3. Số liệu số liệu tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của Đoàn  
ĐBQH tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2011-2016*

| <b>STT</b>       | <b>NĂM</b> | <b>SỐ ĐỢT<br/>TIẾP CÔNG<br/>DÂN</b> | <b>SỐ LƯỢT<br/>CÔNG DÂN</b> | <b>SỐ ĐƠN,<br/>THƯ TIẾP<br/>NHẬN</b> | <b>SỐ ĐƠN,<br/>THƯ<br/>ĐÃ CHUYỂN</b> |
|------------------|------------|-------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 1                | 2011       | 10                                  | 80                          | 76                                   | 55                                   |
| 2                | 2012       | 10                                  | 68                          | 183                                  | 56                                   |
| 3                | 2013       | 10                                  | 62                          | 153                                  | 99                                   |
| 4                | 2014       | 10                                  | 90                          | 133                                  | 67                                   |
| 5                | 2015       | 10                                  | 88                          | 136                                  | 71                                   |
| <b>Tổng cộng</b> |            | <b>50</b>                           | <b>388</b>                  | <b>681</b>                           | <b>348</b>                           |

*Bảng 2.4. Số liệu số liệu tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của  
HĐND tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2011-2016*

| <b>STT</b>       | <b>NĂM</b> | <b>SỐ ĐỢT<br/>TIẾP CÔNG<br/>DÂN</b> | <b>SỐ LƯỢT<br/>CÔNG DÂN</b> | <b>SỐ ĐƠN,<br/>THƯ TIẾP<br/>NHẬN</b> | <b>SỐ ĐƠN,<br/>THƯ<br/>ĐÃ CHUYỂN</b> |
|------------------|------------|-------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 1                | 2011       | 23                                  | 55                          | 211                                  | 166                                  |
| 2                | 2012       | 24                                  | 63                          | 185                                  | 97                                   |
| 3                | 2013       | 11                                  | 60                          | 250                                  | 108                                  |
| 4                | 2014       | 12                                  | 136                         | 275                                  | 122                                  |
| 5                | 2015       | 11                                  | 126                         | 244                                  | 126                                  |
| <b>Tổng cộng</b> |            | <b>81</b>                           | <b>440</b>                  | <b>1165</b>                          | <b>619</b>                           |

*Bảng 2.5. Số liệu TXCT của Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Nam khóa XIII  
(nhiệm kỳ 2011-2016)*

| <b>STT</b>       | <b>Năm</b> | <b>Số điểm TXCT</b> | <b>Tổng số cử tri<br/>tham dự</b> | <b>Số ý kiến, kiến<br/>nghị đã được<br/>tổng hợp</b> |
|------------------|------------|---------------------|-----------------------------------|--|
| 1                | 2011       | 49                  | 5.670                             | 178  |
| 2                | 2012       | 38                  | 5.350                             | 158  |
| 3                | 2013       | 43                  | 6.770                             | 180  |
| 4                | 2014       | 29                  | 8.170                             | 132  |
| 5                | 2015       | 36                  | 9.230                             | 137  |
| <b>Tổng cộng</b> |            | <b>195</b>          | <b>35.190</b>                     | <b>785</b>   |

*Bảng 2.6. Số liệu TXCT của HĐND tỉnh Quảng Nam khóa VIII  
(nhiệm kỳ 2011-2016)*

| <b>STT</b>       | <b>Năm</b> | <b>Số điểm TXCT</b> | <b>Tổng số cử tri<br/>tham dự</b> | <b>Số ý kiến, kiến<br/>nghị đã được<br/>tổng hợp</b> |
|------------------|------------|---------------------|-----------------------------------|--|
| 1                | 2011       | 22                  | 1641                              | 76   |
| 2                | 2012       | 58                  | 3974                              | 237  |
| 3                | 2013       | 63                  | 4736                              | 314  |
| 4                | 2014       | 86                  | 6194                              | 386  |
| 5                | 2015       | 64                  | 4569                              | 278  |
| <b>Tổng cộng</b> |            | <b>293</b>          | <b>21.114</b>                     | <b>1.291</b>   |